

## MẪU SỐ 1A

### HỒ SƠ YÊU CẦU GÓI THẦU XÂY LẮP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)





## HỒ SƠ YÊU CẦU XÂY LẮP

**Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Thi công xây lắp Kho thành phẩm mới  
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.**

**Phát hành ngày:**

**Ban hành kèm theo Quyết định:**

  
**Chủ đầu tư**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
*Nguyễn Minh*



## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

|                             |                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ĐKC                         | Điều kiện chung của hợp đồng                                                                                                                                                                               |
| ĐKCT                        | Điều kiện cụ thể của hợp đồng                                                                                                                                                                              |
| HSDX                        | Hồ sơ đề xuất                                                                                                                                                                                              |
| HSYC                        | Hồ sơ yêu cầu                                                                                                                                                                                              |
| Luật Đấu thầu               | Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15)                                                                                                     |
| Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu                                                  |
| Thông tư số 79/2025/TT-BTC  | Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia |
| VND                         | Đồng Việt Nam                                                                                                                                                                                              |

## **Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU**

### **Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU \***

#### **Mục 1. Phạm vi gói thầu**

1. Chủ đầu tư Công ty Cổ phần cao su Đắc Lắc mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu số 1: Thi công xây lắp Kho thành phẩm mới Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc. Hạng mục: Xây dựng nhà kho thành phẩm.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Kế hoạch năm 2025.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 75 ngày, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

#### **Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu**

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

#### **Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, và g khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

3. Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp: Không áp dụng.

#### **Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường**

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi văn bản đến Chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày làm việc; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập HSDX cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.

#### **Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu**

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
3. HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

#### **Mục 6. Thành phần của HSDX**

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu;
4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C hoặc Mẫu số 04D hoặc Mẫu số 04E Chương III;
6. Các nội dung khác \_\_ *[Nêu các nội dung khác tùy theo tính chất, yêu cầu của gói thầu]*.

#### **Mục 7. Giá dự thầu**

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

#### **Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật**

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

#### **Mục 9. Hiệu lực của HSDX**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 45 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia

hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

### **Mục 10. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

### **Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu**

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Chủ đầu tư, số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: 08 giờ 30 phút, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2026.

#### **2. Mở thầu**

Chủ đầu tư tiến hành mở thầu bao gồm các nội dung sau:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Thông tin về tên nhà thầu:
  - Tham dự độc lập hay liên danh;
  - Số lượng bản gốc, bản chụp;
  - Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
  - Giá trị giảm giá (nếu có);
  - Thời gian có hiệu lực của HSDX;
  - Thời gian thực hiện gói thầu;
  - Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và nhà thầu nộp HSDX. Biên bản này phải được gửi cho nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan

trọng khác của HSDX.

## **Mục 12. Nhà thầu phụ**

1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Trừ các phần công việc của gói thầu không được sử dụng nhà thầu phụ bao gồm: Không có, nhà thầu được kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10A Chương III. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.

Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại Mục 12.3 Chương này. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc xây lắp.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 0% tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.

3. Nhà thầu phụ đặc biệt: Không được phép sử dụng.

Trong trường hợp được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 10B Chương III và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Tổ chuyên gia sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.3 Chương II. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt do nhà thầu đề xuất trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC (hoặc không đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt) và nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì nhà thầu được phép đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt hoặc thay thế nhà thầu phụ đặc biệt khác đáp ứng yêu cầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà

thầu phụ đặc biệt.

### **Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu**

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, Chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của HSYC, thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu và tỷ lệ tiết kiệm.

### **Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu**

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt và đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm tối thiểu 0% giá gói thầu.

### **Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng.
- Thời gian thực hiện gói thầu.

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

### **Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

### **Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Mục 18. Giải quyết kiến nghị**

1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cao su Đắc Lắc. Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An - Tỉnh Đắc Lắc;

- Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị: Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Cao su Đắc Lắc. Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An - Tỉnh Đắc Lắc

2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Theo quy định của Luật đấu thầu.

**Mục 19. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu**

Ưu đãi: Không áp dụng.

## Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

#### 1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

#### 1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E) Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I;
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 10C Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                |                               |                    | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                 | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                 | Nhà thầu độc lập              | Nhà thầu liên danh |                           |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                                         | Tổng các thành viên liên danh |                    | Từng thành viên liên danh |
| 1                                    | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chia khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> . | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng      | Phải thỏa mãn yêu cầu này |
| 2                                    | Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế           | Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.                                                                                                    | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng      | Phải thỏa mãn yêu cầu này |
| 3                                    | Năng lực tài chính                                    |                                                                                                                                                                                                                         |                               |                    |                           |
| 3.1                                  | Kết quả hoạt động tài chính <sup>(4)</sup>            | Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.<br>(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)                                                                | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng      | Phải thỏa mãn yêu cầu này |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                                         |                               |                    | Mẫu số 09A                |

|     |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                           |                              |                 |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------|
| 3.2 | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là <b>5.858.000.000<sup>(6)</sup>VND</b> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                | Mẫu số 09A      |
| 3.3 | Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu           | <p>“Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(7)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là <b>1.172.000.000 <sup>(8)</sup>VND</b>.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tối thiểu: <b>1.172.000.000 <sup>(8)</sup>VND</b>;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 100 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 12/06/2026;</li> <li>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.”</li> </ul> | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                | Mẫu số 09B, 09C |
| 4   | Kinh nghiệm thực hiện hợp                             | 1. <i>Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phải thỏa mãn yêu cầu     | Phải thỏa mãn yêu cầu (trưng | Mẫu số 06       |

|                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |                                    |  |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------------------------------|--|
| <b>đồng xây lắp tương tự<sup>(9)</sup></b> | <b>đồng xây lắp</b><br>“Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn <sup>(11)</sup> tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: Công trình công nghiệp cấp: III <sup>(12)</sup> , có giá trị là <b>1.953.000.000 VND<sup>(13)</sup></b> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý <sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ.<br><br>Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. | này | đương với phần công việc đảm nhận) |  |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------------------------------|--|

**Ghi chú:**

- (1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.
- (2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
  - Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói

thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ:*

- Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

**Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.**

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.



(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm cam kết cung cấp tín dụng trong HSDX.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).**

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.**

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm

thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì HSYC phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư, tổ chuyên gia không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố...).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công

trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Hai công trình có cấp thấp hơn liên kế với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liên kế bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự.

*Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 02 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được đánh giá là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.*

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:*

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn: 8.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà

A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A3 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m<sup>2</sup>

Trong HSYC có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu.

### a) Nhân sự chủ chốt

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong HSYC cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. HSYC không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Trường hợp HSYC có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSDX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSDX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 07A, 07B và 07C Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt**

| STT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(1)</sup> | Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|----------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Chỉ huy trưởng   | 01       | Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 2 hợp đồng              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp hoặc kỹ thuật xây dựng;</li> <li>- Có thời gian kinh nghiệm tham</li> </ul> |

|   |                 |    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---|-----------------|----|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                 |    |                                                          | <p>gia hoạt động xây dựng từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng, đã tham gia thi công xây dựng phần việc thuộc nội dung hành nghề 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV. (Tài liệu chứng minh: Hợp đồng kèm theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng có tên Chỉ huy trưởng hoặc xác nhận của chủ đầu tư làm Chỉ huy trưởng, Quyết định phê duyệt BCKTKT hoặc các tài liệu khác chứng minh quy mô công trình)</p> <p><i>Tất cả tài liệu chứng minh phải là bản photo có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.</i></p> |
| 2 | Cán bộ kỹ thuật | 01 | <p><i>Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng</i></p> | <p>- Kỹ thuật thi công phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>+ Trình độ Cao đẳng trở lên chuyên ngành xây dựng dân dụng.</p> <p>+ Đã làm Cán bộ kỹ thuật thi công tối thiểu 01 công trình có quy mô tương tự. (Tài liệu chứng minh: Hợp đồng kèm theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng có tên Cán bộ kỹ thuật thi công hoặc xác nhận của chủ đầu tư làm Cán bộ kỹ thuật thi công).</p> <p><i>Tất cả tài liệu chứng minh phải là bản photo có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.</i></p>                                                                                                                      |

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự

án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong HSDX không đáp ứng yêu cầu thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong HSDX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07D Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu**

| STT | Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số lượng tối thiểu cần có |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Máy đào – dung tích gầu: $\geq 0,4m^3$<br>- Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt.<br>Đối với thiết bị sở hữu phải có xác nhận quyền sở hữu.<br>Đối với thiết bị đi thuê phải có hợp đồng thuê mượn và xác nhận quyền sở hữu của bên cho thuê (Tài liệu chứng minh Bản phô tô có chứng thực giấy tờ xe) | 01                        |
| 2   | Máy biến thế xoay chiều: $\geq 23kW$<br>- Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt.<br>Đối với thiết bị sở hữu phải có xác nhận quyền sở hữu.<br>Đối với thiết bị đi thuê phải có hợp đồng thuê mượn và xác nhận quyền sở hữu của bên cho thuê (Tài liệu chứng minh Bản phô tô có chứng thực hoá đơn máy)  | 01                        |
| 3   | Máy đầm dùi - công suất $\geq 1,5KW$<br>- Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt.<br>Đối với thiết bị sở hữu phải có xác nhận quyền sở hữu                                                                                                                                                               | 01                        |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
|   | Đối với thiết bị đi thuê phải có hợp đồng thuê mượn và xác nhận quyền sở hữu của bên cho thuê (Tài liệu chứng minh Bản phô tô hóa đơn máy)                                                                                                                                                        |    |
| 4 | Máy trộn bê tông – dung tích $\geq 250$ lít<br>- Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt.<br>Đối với thiết bị sở hữu phải có xác nhận quyền sở hữu<br>Đối với thiết bị đi thuê phải có hợp đồng thuê mượn và xác nhận quyền sở hữu của bên cho thuê (Tài liệu chứng minh Bản phô tô hóa đơn máy)         | 01 |
| 5 | Ô tô tự đổ - trọng tải: $\geq 10$ tấn<br>- Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt.<br>Đối với thiết bị sở hữu phải có xác nhận quyền sở hữu.<br>Đối với thiết bị đi thuê phải có hợp đồng thuê mượn và xác nhận quyền sở hữu của bên cho thuê (Tài liệu chứng minh Bản phô tô có chứng thực giấy tờ xe) | 01 |
| 6 | Máy lu bánh thép 9T<br>- Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt.<br>Đối với thiết bị sở hữu phải có xác nhận quyền sở hữu<br>Đối với thiết bị đi thuê phải có hợp đồng thuê mượn và xác nhận quyền sở hữu của bên cho thuê (Tài liệu chứng minh Bản phô tô hóa đơn máy)                                 | 01 |
| 7 | Máy cầu bánh xích 28T<br>- Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt.<br>Đối với thiết bị sở hữu phải có xác nhận quyền sở hữu.<br>Đối với thiết bị đi thuê phải có hợp đồng thuê mượn và xác nhận quyền sở hữu của bên cho thuê (Tài liệu chứng minh Bản phô tô có chứng thực giấy tờ xe)                 | 01 |
| 8 | Máy cắt uốn thép 5kw<br>- Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt.<br>Đối với thiết bị sở hữu phải có xác nhận quyền sở hữu.<br>Đối với thiết bị đi thuê phải có hợp đồng thuê mượn và xác nhận quyền sở hữu của bên cho thuê (Tài liệu chứng minh Bản phô tô có chứng thực giấy tờ xe)                  | 01 |

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được

nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

### **2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có)**

Tổ chuyên gia chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 12 Chương I. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: \_\_\_\_\_ *[ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt]*.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương IV, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong HSYC. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập HSYC phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được đưa ra yêu cầu về ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác. Nhà thầu được chào theo ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ các nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ yêu cầu hoặc ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ khác có chất lượng hàng hóa (đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng) tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà HSYC yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong HSYC, HSYC cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong HSYC.

HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

***Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đạt/không đạt:***  
**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THEO PHƯƠNG PHÁP “ĐẠT”, “KHÔNG ĐẠT”**

**1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:**

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                       | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1.1. Mức độ đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng sử dụng cho công trình (Các loại vật liệu chủ yếu: cát, đá 1x2, xi măng) | Có bảng kê đầy đủ đúng theo yêu cầu tại mục 3, chương IV của hồ sơ yêu cầu (HSYC).<br>Có đầy đủ hợp đồng nguyên tắc cung cấp các loại vật tư sử dụng cho công trình đang xét (Tài liệu chứng minh là bản gốc hoặc bản phô tô chứng thực của cơ quan thẩm quyền).<br>- Nhà thầu cung cấp giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị có ngành nghề cung cấp phù hợp với yêu cầu. | Đạt       |
|                                                                                                                                        | Không đáp ứng yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Không đạt |
| 1.2. Đối với các yêu cầu về chất lượng, chủng loại, nguồn gốc của vật                                                                  | Nêu rõ và đầy đủ đặc tính kỹ thuật, chất lượng, chủng loại, nguồn gốc của vật tư, vật liệu chính. Nhà thầu có cam kết cung cấp CO, CQ của vật tư, vật liệu chính sau                                                                                                                                                                                                                                       | Đạt       |

| Nội dung yêu cầu    | Mức độ đáp ứng                                                                                              |                  |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| tư, vật liệu chính. | khi trúng thầu.                                                                                             |                  |
|                     | Không rõ hoặc không đầy đủ đặc tính kỹ thuật, chất lượng, chủng loại, nguồn gốc của vật tư, vật liệu chính. | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>     | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>                                                          | <b>Đạt</b>       |
|                     | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>                                                           | <b>Không đạt</b> |

## 2. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.1 Tổ chức mặt bằng công trường:<br>Văn phòng làm việc, lán trại công nhân, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. (Bản vẽ mặt bằng bố trí công trình tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải). | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.<br><br>- Tổng mặt bằng: Có Sơ đồ tổ chức hiện trường và bản vẽ bố trí mặt bằng công trường (mặt bằng công trình xây dựng; vị trí bãi tập kết vật tư; mặt bằng bố trí thiết bị thi công; cấp thoát nước phục vụ thi công; cấp điện phục vụ thi công; vị trí bố trí nhà tạm thi công; Phòng thí nghiệm nếu có; chất thải, biển báo,...) hợp lý, phù hợp đặc điểm và vị trí xây dựng cụ thể của công trình, đáp ứng yêu cầu theo hồ sơ thiết kế. | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Không đạt |
| 2.2 Giải pháp thi công công trình<br>Yêu cầu nhà thầu nêu rõ giải pháp kỹ thuật từng hạng mục công trình riêng biệt.<br>Theo yêu cầu thiết kế, khối lượng mời thầu và quy mô công trình, yêu cầu tại Chương IV.                                                                                                                                    | - Có thuyết minh hợp lý về trình tự, giải pháp tổ chức thi công tất cả các hạng mục của công trình phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật thi công và hồ sơ thiết kế, hiện trạng của công trình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Giải pháp kỹ thuật không chi tiết, không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Giải pháp nêu chung chung sơ sài và không cụ thể cho từng hạng mục, công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Không đạt |

|                                                                                                                                             |                                                                                                                                      |                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Yêu cầu về kỹ thuật. Giải pháp kỹ thuật phải phù hợp với máy móc thiết bị sử dụng và tuân thủ quy trình quy phạm hiện hành.                 |                                                                                                                                      |                  |
| 2.3 Giải pháp thi công dọn dẹp vệ sinh và hoàn trả mặt bằng (Phù hợp với máy móc thiết bị sử dụng và tuân thủ quy trình quy phạm hiện hành) | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.          | Đạt              |
|                                                                                                                                             | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>                                                                                                                             | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>                                                                                   | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                                                                             | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>                                                                                    | <b>Không đạt</b> |

### 3. Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                              | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 3.1 Tổ chức thi công chủ đạo, công tác chuẩn bị mặt bằng, công tác định vị thi công, sơ đồ tổ chức bộ máy thi công                                                                            | Có đề xuất biện pháp tổ chức theo yêu cầu. Thuyết minh chi tiết phù hợp với sơ đồ và hiện trạng công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                               | Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu, sơ sài, không cụ thể đối với công trình đang xét.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Không đạt |
| 3.2 Biện pháp thi công thi công tất cả các hạng mục của công trình theo hồ sơ thiết kế đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật<br>(Bám sát nội dung khối lượng mời thầu và quy mô công trình chương | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh biện pháp thi công tất cả các hạng mục của công trình theo hồ sơ thiết kế đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật được đánh giá là phù hợp với quy mô thiết kế, tiến độ, điều kiện công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> <li>- Có viện dẫn Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;</li> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công đối với từng công việc và phù hợp với thuyết minh đề xuất kỹ thuật.</li> </ul> | Đạt       |

|                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| IV, phù hợp với máy móc thiết bị sử dụng và tuân thủ quy trình quy phạm hiện hành). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có thuyết minh biện pháp tổ chức thi công tất cả các hạng mục của công trình theo hồ sơ thiết kế đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật được đánh giá là phù hợp với quy mô thiết kế, tiến độ, điều kiện công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> <li>- Không viện dẫn Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;</li> <li>- Không có bản vẽ biện pháp thi công đối với từng công việc và phù hợp với thuyết minh đề xuất kỹ thuật.</li> </ul> <p>Đầy đủ các nội dung yêu cầu nhưng có nội dung chưa được hợp lý và chưa khả thi hoặc Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu</p> | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>                                                                     | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                     | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>Không đạt</b> |

#### 4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                         | Mức độ đáp ứng                                                                                   |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 4.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá yêu cầu của HSYC có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.                                         | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá yêu cầu của HSYC ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt       |
|                                                                                                                                                                          | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá thời gian qui định trong HSYC.                            | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp:<br>a Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công<br>b Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công<br>c, Giữa bố trí vật tư, vật liệu và tiến độ thi công. | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a, b,c và d.                                   | Đạt       |
|                                                                                                                                                                          | Không đáp ứng yêu cầu trên                                                                       | Không đạt |

|                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                  |                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| d, Giữa bố trí nhân sự với tiến độ thi công                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                  |                  |
| 4.3. Biểu tiến độ thi công (Bảng tiến độ tổng thể và chi tiết các hạng mục, biểu đồ huy động nhân sự, biểu đồ huy động thiết bị, biểu đồ huy động vật tư) hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC | Có Biểu tiến độ thi công chi tiết tổng thể và cụ thể cho từng hạng mục công việc hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong HSYC. | Đạt              |
|                                                                                                                                                                                                                                    | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong HSYC.                             | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>                                                                                                                                                                                                                    | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>                                                                                                                                               | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>                                                                                                                                                | <b>Không đạt</b> |

### 5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu                                                                   | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                |           |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 5.1 Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                                                                                             | Đạt       |
|                                                                                    | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không đáp ứng yêu cầu. | Không đạt |
| 5.2 Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công:<br>a) Sơ đồ quản lý               | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 4 nội dung a), b), c), và d).                     | Đạt       |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                      |                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <p>chất lượng;</p> <p>b) Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công thuộc gói thầu;</p> <p>c) Quy trình quản lý chất lượng cho từng hạng mục thi công và có biện pháp sửa chữa khi có hư hỏng</p> <p>d) Biện pháp bảo quản chất lượng, vật liệu, thiết bị công trình khi mưa bão;</p> | <p>Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công và đề xuất không đủ 4 nội dung a), b), c), và d).</p> | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>                                                                                                                                                                   | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>                                                                                                                                                                    | <b>Không đạt</b> |

#### 6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                       | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                              |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>6.1. An toàn lao động</b>                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
| <p>Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và HSYC:</p> <p>- Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động;</p> <p>- Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công</p> | <p>Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong HSYC và Quy định hiện hành.</p>                                                                   | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong HSYC, không đầy đủ theo quy định.</p> | Không đạt |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                               |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| phù hợp với tính chất công việc thực hiện.<br>- An toàn giao thông ra vào công trường;<br>- Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề; Bảo vệ các công trình hạ tầng trong khu vực xung quanh;<br>- An toàn cho người lao động và người làm việc trong khu vực xung quanh công trường. |                                                                                                                                                                                                                               |           |
| <b>6.2. Phòng cháy, chữa cháy</b>                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                               |           |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và HSYC                                                                                                                                                                                        | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong HSYC.                                                        | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong HSYC. | Không đạt |
| <b>6.3. Vệ sinh môi trường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                               |           |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức                                                                                                                                                                                                     | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong HSYC.                                                   | Đạt       |

|          |                                                                                                                                                                                                                                    |           |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| thi công | - Biện pháp xử lý vật liệu chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong HSYC và quy định hiện hành.              |           |
|          | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong HSYC. | Không đạt |
| Kết luận | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>                                                                                                                                                                                 | Đạt       |
|          | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>                                                                                                                                                                                  | Không đạt |

#### 7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                     | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>7.1. Bảo hành</b>                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
| Thời gian bảo hành kỹ thuật 12 tháng                                                                                                                                                                 | Có đề xuất thời gian bảo hành kỹ thuật lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                      | Có đề xuất thời gian bảo hành kỹ thuật nhỏ hơn 12 tháng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không đạt |
| <b>7.2. Uy tín của nhà thầu</b>                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu không có gói thầu nào tham dự thầu mà không tiến hành thương thảo hợp đồng,</li> <li>- Không có gói thầu nào có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng.</li> <li>- Không có hợp đồng chậm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng.</li> <li>- Không có hợp đồng bỏ dở do lỗi của nhà thầu.</li> <li>- Nhà thầu không bị chủ đầu tư/bên mời thầu hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc ra thông báo nhà thầu có hành vi gian lận cung cấp thông tin không trung thực</li> </ul> | Đạt       |

|                                |                                                                                                                                               |                  |
|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| trong vòng 05 năm trở lại đây. | trong đấu thầu theo Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.<br>- Nhà thầu cam kết không vi phạm tại Điều 20, Nghị định 214/2024/NĐ-CP ngày 04/08/2025. |                  |
|                                | - Không đáp ứng yêu cầu trên                                                                                                                  | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>                | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>                                                                                            | <b>Đạt</b>       |
|                                | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>                                                                                             | <b>Không đạt</b> |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định tại Mục 14 Chương I;

### Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

#### ĐƠN DỰ THẦU

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên Chủ đầu tư]*  
(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]*, có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* cùng với bảng giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu<sup>(2)</sup>.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(1)</sup>**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

**GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do \_\_\_\_ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

- [- Ký đơn dự thầu;
- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;
- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]<sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

**Người ủy quyền**

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*]Thuộc: \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*]- Căn cứ \_\_\_\_ [*Luật Đấu thầu*]<sup>(2)</sup>;- Căn cứ \_\_\_\_<sup>(2)</sup>;- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [*Ngày được ghi trên HSYC*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

### **1. Thành viên đứng đầu liên danh**

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_\_ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_\_ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(4)</sup>:

| STT              | Tên                               | Nội dung công việc đảm nhận           | Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu |
|------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1                | Tên thành viên đứng đầu liên danh |                                       |                                                       |
| 2                | Tên thành viên thứ 2              |                                       |                                                       |
| ....             | ....                              |                                       |                                                       |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   | <b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b> |                                                       |

## **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH<sup>(5)</sup>**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**  
*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E) Chương III; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(Đối với loại hợp đồng trọn gói)

| STT                                                       | Mô tả công việc <sup>(2)</sup> | Khối lượng tham khảo <sup>(3)</sup> | Đơn vị tính | Giá theo các hạng mục <sup>(4)</sup> |
|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------|--------------------------------------|
| 1                                                         | Hạng mục 1                     |                                     |             |                                      |
| 2                                                         | Hạng mục 2                     |                                     |             |                                      |
| ..                                                        |                                |                                     |             |                                      |
| Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)): |                                |                                     |             | X1                                   |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong HSYC, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng giá dự thầu khác so với các hạng mục công việc nêu trong HSYC, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

(2), (3) Các hạng mục công việc nêu trong HSYC và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV.

Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại các hạng mục công việc nêu trong HSYC. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong các hạng mục công việc nêu trong HSYC nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân

bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện các hạng mục công việc nêu trong HSYC thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng giá dự thầu.

(4) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

| STT                                                              | Mô tả công việc mời thầu                                 | Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Đơn giá dự thầu | Thành tiền           |
|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-------------|-----------------|----------------------|
| (1)                                                              | (2)                                                      | (3)                                     | (4)                 | (5)         | (6)             | (7)=(4) x (6)        |
| <b>I</b>                                                         | <b>Các hạng mục</b>                                      |                                         |                     |             |                 | <b>A=A1+A2+...</b>   |
| <b>I.1</b>                                                       | <b>Hạng mục 1</b>                                        |                                         |                     |             |                 | <b>A1</b>            |
| 1                                                                | ...                                                      |                                         |                     |             |                 |                      |
| 2                                                                | ...                                                      |                                         |                     |             |                 |                      |
| <b>I.2</b>                                                       | <b>Hạng mục 2</b>                                        |                                         |                     |             |                 | <b>A2</b>            |
| 1                                                                | ...                                                      |                                         |                     |             |                 |                      |
| 2                                                                | ...                                                      |                                         |                     |             |                 |                      |
| ..                                                               | ...                                                      |                                         |                     |             |                 | ...                  |
| <b>II</b>                                                        | <b>Chi phí dự phòng</b>                                  |                                         |                     |             |                 |                      |
| 1                                                                | Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh <sup>(*)</sup> |                                         | b1%                 |             |                 | <b>B1 = b1% x A</b>  |
| 2                                                                | Chi phí công nhật                                        |                                         |                     |             |                 | <b>Y1</b>            |
| 3                                                                | Chi phí cho các khoản tạm tính khác                      |                                         |                     |             |                 | <b>Y2</b>            |
| <b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b> |                                                          |                                         |                     |             |                 | <b>X2=A+B1+Y1+Y2</b> |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận

tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7): Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

| STT                                                                 | Mô tả công việc mời thầu                                                    | Yêu cầu kỹ thuật/<br>Chỉ dẫn kỹ thuật chính | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Đơn giá dự thầu | Thành tiền           |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|-------------|-----------------|----------------------|
| (1)                                                                 | (2)                                                                         | (3)                                         | (4)                 | (5)         | (6)             | (7)=(4) x (6)        |
| <b>I</b>                                                            | <b>Các hạng mục</b>                                                         |                                             |                     |             |                 | <b>A=A1+A2+...</b>   |
| <b>I.1</b>                                                          | <b>Hạng mục 1</b>                                                           |                                             |                     |             |                 | <b>A1</b>            |
| 1                                                                   | ...                                                                         |                                             |                     |             |                 |                      |
| 2                                                                   | ...                                                                         |                                             |                     |             |                 |                      |
| <b>I.2</b>                                                          | <b>Hạng mục 2</b>                                                           |                                             |                     |             |                 | <b>A2</b>            |
| 1                                                                   | ...                                                                         |                                             |                     |             |                 |                      |
| 2                                                                   | ...                                                                         |                                             |                     |             |                 |                      |
| ..                                                                  | ...                                                                         |                                             |                     |             |                 | ...                  |
| <b>II</b>                                                           | <b>Chi phí dự phòng</b>                                                     |                                             |                     |             |                 |                      |
| 1                                                                   | Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (*) |                                             | b2%                 |             |                 | <b>B2 = b2% x A</b>  |
| 2                                                                   | Chi phí công nhật                                                           |                                             |                     |             |                 | <b>Y1</b>            |
| 3                                                                   | Chi phí cho các khoản tạm tính khác                                         |                                             |                     |             |                 | <b>Y2</b>            |
| <b>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</b> |                                                                             |                                             |                     |             |                 | <b>X3=A+B2+Y1+Y2</b> |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản

vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU***(Đối với loại hợp đồng theo kết quả đầu ra)*

| STT                                                                 | Mô tả công việc mời thầu | Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Đơn giá dự thầu | Thành tiền          |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-------------|-----------------|---------------------|
| (1)                                                                 | (2)                      | (3)                                     | (4)                 | (5)         | (6)             | (7)=(4)x(6)         |
| <b>1</b>                                                            | <b>Hạng mục 1</b>        |                                         |                     |             |                 | <b>A1</b>           |
| 1.1                                                                 | ...                      |                                         |                     |             |                 |                     |
| 1.2                                                                 | ...                      |                                         |                     |             |                 |                     |
| <b>2</b>                                                            | <b>Hạng mục 2</b>        |                                         |                     |             |                 | <b>A2</b>           |
| 2.1                                                                 | ...                      |                                         |                     |             |                 |                     |
| 2.2                                                                 | ...                      |                                         |                     |             |                 |                     |
| ..                                                                  | ...                      |                                         |                     |             |                 | ...                 |
| <b>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</b> |                          |                                         |                     |             |                 | <b>X4=A1+A2+...</b> |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6), (7): Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

**I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói<sup>(1)</sup>**

| STT        | Mô tả công việc <sup>(2)</sup> | Khối lượng tham khảo <sup>(3)</sup> | Đơn vị tính | Giá theo các hạng mục <sup>(4)</sup> |
|------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------|--------------------------------------|
| 1          | Hạng mục 1                     |                                     |             |                                      |
| 2          | Hạng mục 2                     |                                     |             |                                      |
| ..         |                                |                                     |             |                                      |
| Tổng cộng: |                                |                                     |             | X1                                   |

**Ghi chú:**

(1) Giá dự thầu của các hạng mục này được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong HSYC, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong các hạng mục này khác so với các hạng mục công việc áp dụng loại hợp đồng trọn gói nêu trong HSYC, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

Giá dự thầu cho các hạng mục này là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá các hạng mục.

Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá của các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói ghi trong hợp đồng.

(2), (3) Các hạng mục công việc nêu trong HSYC và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV.

(4) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá của các hạng mục. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

## II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

| STT               | Mô tả công việc<br>mời thầu                                     | Yêu cầu kỹ<br>thuật/Chỉ<br>dẫn kỹ<br>thuật chính | Khối<br>lượng<br>mời thầu | Đơn vị<br>tính | Đơn giá<br>dự thầu | Thành tiền          |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------|----------------|--------------------|---------------------|
| (1)               | (2)                                                             | (3)                                              | (4)                       | (5)            | (6)                | (7)=(4) x (6)       |
| <b>I</b>          | <b>Các hạng mục</b>                                             |                                                  |                           |                |                    | <b>A=A1+A2+...</b>  |
| <b>I.1</b>        | <b>Hạng mục 1</b>                                               |                                                  |                           |                |                    | <b>A1</b>           |
| 1                 | ...                                                             |                                                  |                           |                |                    |                     |
| 2                 | ...                                                             |                                                  |                           |                |                    |                     |
| <b>I.2</b>        | <b>Hạng mục 2</b>                                               |                                                  |                           |                |                    | <b>A2</b>           |
| 1                 | ...                                                             |                                                  |                           |                |                    |                     |
| 2                 | ...                                                             |                                                  |                           |                |                    |                     |
| ..                | ...                                                             |                                                  |                           |                |                    | ...                 |
| <b>II</b>         | <b>Chi phí dự<br/>phòng cho khối<br/>lượng phát<br/>sinh(*)</b> |                                                  | <b>b1%</b>                |                |                    | <b>B1 = b1% x A</b> |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                                                 |                                                  |                           |                |                    | <b>X2=A+B1</b>      |

### Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

### III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

| STT               | Mô tả công việc<br>mời thầu                                                                        | Yêu cầu kỹ<br>thuật/Chỉ<br>dẫn kỹ<br>thuật chính | Khối<br>lượng<br>mời thầu | Đơn<br>vị tính | Đơn giá<br>dự thầu | Thành tiền           |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------|----------------|--------------------|----------------------|
| (1)               | (2)                                                                                                | (3)                                              | (4)                       | (5)            | (6)                | (7)=(4) x (6)        |
| <b>I</b>          | <b>Các hạng mục</b>                                                                                |                                                  |                           |                |                    | <b>A=A1+A2+...</b>   |
| <i>I.1</i>        | <i>Hạng mục 1</i>                                                                                  |                                                  |                           |                |                    | <b>A1</b>            |
| <i>1</i>          | ...                                                                                                |                                                  |                           |                |                    |                      |
| <i>2</i>          | ...                                                                                                |                                                  |                           |                |                    |                      |
| <i>I.2</i>        | <i>Hạng mục 2</i>                                                                                  |                                                  |                           |                |                    | <b>A2</b>            |
| <i>1</i>          | ...                                                                                                |                                                  |                           |                |                    |                      |
| <i>2</i>          | ...                                                                                                |                                                  |                           |                |                    |                      |
| ..                | ...                                                                                                |                                                  |                           |                |                    | ...                  |
| <b>II</b>         | <b>Chi phí dự phòng</b>                                                                            |                                                  |                           |                |                    |                      |
| <i>1</i>          | Chi phí dự phòng<br>cho khối lượng<br>phát sinh và chi<br>phí dự phòng<br>trượt giá <sup>(*)</sup> |                                                  | <i>b2%</i>                |                |                    | $B2 = b2\% \times A$ |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                                                                                    |                                                  |                           |                |                    | <b>X3=A+B2</b>       |

#### Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà



thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

#### IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra

| STT               | Mô tả công việc mời thầu | Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Đơn giá dự thầu | Thành tiền          |
|-------------------|--------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-------------|-----------------|---------------------|
| (1)               | (2)                      | (3)                                     | (4)                 | (5)         | (6)             | (7)=(4)x(6)         |
| <b>I.1</b>        | <b>Hạng mục 1</b>        |                                         |                     |             |                 | <b>A1</b>           |
| 1                 | ...                      |                                         |                     |             |                 |                     |
| ...               | ...                      |                                         |                     |             |                 |                     |
| <b>I.2</b>        | <b>Hạng mục 2</b>        |                                         |                     |             |                 | <b>A2</b>           |
| 1                 | ...                      |                                         |                     |             |                 |                     |
| ..                | ...                      |                                         |                     |             |                 | ...                 |
| <b>Tổng cộng:</b> |                          |                                         |                     |             |                 | <b>X4=A1+A2+...</b> |

#### Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6), (7): Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

### V. Tổng hợp giá dự thầu

| STT | Các hạng mục                                                     | Thành tiền            |
|-----|------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| I   | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói                      | X1                    |
| II  | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định          | X2                    |
| III | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh       | X3                    |
| IV  | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra           | X4                    |
| IV  | Chi phí công nhật                                                | Y1                    |
| V   | Chi phí cho các khoản tạm tính                                   | Y2                    |
|     | <b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b> | $X=X1+X2+X3+X4+Y1+Y2$ |

## BẢNG KÊ CÔNG NHẬT

### 1. Quy định chung

a) Bảng kê Công nhật thông thường được áp dụng đối với các gói thầu có khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng giá dự thầu.

Trường hợp cần đưa Bảng kê Công nhật vào HSYC thì phải ghi rõ khối lượng, số lượng danh nghĩa đối với các hạng mục có khả năng phải sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào giá. Giá dự thầu cho phần công nhật được kết chuyển vào phần Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng giá dự thầu. Phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá HSDX.

b) Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm Chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong HSDX. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh công nhật hoặc các công việc tạm tính khác thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

c) Các công việc sẽ không được thực hiện trên cơ sở công nhật trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải điền đơn giá, thành tiền cho các hạng mục công nhật trong các Bảng nhân công, vật liệu, thiết bị. Đơn giá do nhà thầu chào sẽ được áp dụng đối với bất kỳ khối lượng công nhật nào được Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện. Trừ khi hợp đồng có quy định khác, các khoản thanh toán cho công nhật sẽ phụ thuộc vào quy định về điều chỉnh giá trong Điều kiện hợp đồng.

### 2. Nhân công tính theo Công nhật

a) Khi tính toán các khoản thanh toán cho nhà thầu theo công nhật, số giờ cho nhân công sẽ được tính từ thời điểm nhân công đến hiện trường để thực hiện hạng mục công nhật đến thời điểm nhân công quay trở về nơi xuất phát ban đầu, nhưng không bao gồm thời gian nghỉ ăn trưa và những khoảng thời gian nghỉ khác. Chỉ có thời gian của các nhân công trực tiếp làm công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư và công việc mà nhân công có khả năng thực hiện mới được tính chi phí. Thời gian đội trưởng tham gia xây lắp cùng tập thể lao động cũng sẽ được tính nhưng không tính thời gian của đốc công hoặc nhân sự giám sát khác.

b) Nhà thầu được thanh toán đối với tổng số thời gian mà nhân công được thuê theo công nhật. Giá trị thanh toán được tính theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công**. Đơn giá được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) tất cả các chi phí phải thanh toán cho nhà thầu như:

- Số tiền lương trả cho người lao động;
- Chi phí đi lại, làm thêm giờ, sinh hoạt phí;

- Các chi phí về phúc lợi xã hội liên quan;
- Lợi nhuận của nhà thầu, chi phí quản lý, giám sát, bảo hiểm;
- Chi phí điện, nước, an ninh, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, hành chính, văn thư và các chi phí liên quan khác.

### 3. Vật liệu tính theo Công nhật

Nhà thầu sẽ được thanh toán đối với vật liệu được sử dụng để thực hiện công việc theo công nhật với đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật**:  
**2. Vật liệu.** Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm chi phí quản lý, lợi nhuận như sau:

a) Đơn giá vật liệu sẽ được tính trên cơ sở giá ghi trên hóa đơn cộng với các chi phí để giao vật liệu đến kho tại Công trường bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, chi phí bốc dỡ, thiệt hại, tổn thất...;

b) Chi phí vận chuyển vật liệu để sử dụng vào công việc được yêu cầu thực hiện theo công nhật từ kho chứa tại Công trường đến địa điểm mà vật liệu được sử dụng sẽ được thanh toán theo các điều khoản về Nhân công và Thiết bị thi công trong Bảng này.

### 4. Thiết bị của nhà thầu tính theo Công nhật

a) Nhà thầu được thanh toán đối với Thiết bị của nhà thầu đã có tại Công trường và được sử dụng vào công việc theo công nhật theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật**:  
**3. Thiết bị của nhà thầu.** Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) các khoản chi phí sau:

- Chi phí khấu hao thiết bị;
- Chi phí lãi suất, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm, sửa chữa, bảo trì, vật tư, nhiên liệu, dầu nhớt và vật tư tiêu hao khác;
- Lợi nhuận và chi phí quản lý liên quan đến việc sử dụng các thiết bị.

Chi phí cho nhân viên vận hành thiết bị và trợ lý sẽ được thanh toán riêng như mô tả tại phần Nhân công tính theo Công nhật.

b) Chỉ có số giờ vận hành thực sự của thiết bị để thực hiện các công việc theo công nhật mới đủ điều kiện để thanh toán; trừ trường hợp Chủ đầu tư chấp nhận thanh toán đối với thời gian di chuyển thiết bị từ Công trường nơi thiết bị được đặt đến vị trí thi công các công việc theo công nhật và thời gian di chuyển thiết bị về vị trí ban đầu.

## Bảng đơn giá công nhật

### 1. Nhân công

| Công việc số | Mô tả <sup>(1)</sup>                                                                  | Đơn vị <sup>(2)</sup> | Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup> | Đơn giá <sup>(4)</sup> | Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND) |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1            | Trưởng nhóm                                                                           | giờ                   | 50                                 |                        |                                 |
| 2            | Công nhân phổ thông                                                                   | giờ                   | 500                                |                        |                                 |
| 3            | Thợ nề                                                                                | giờ                   | 200                                |                        |                                 |
| 4            | Thợ hồ                                                                                | giờ                   | 200                                |                        |                                 |
| 5            | Thợ mộc                                                                               | giờ                   | 100                                |                        |                                 |
| 6            | Thợ sắt                                                                               | giờ                   | 100                                |                        |                                 |
| 7            | Lái xe đến 10 tấn                                                                     | giờ                   | 100                                |                        |                                 |
| ...          | ....                                                                                  |                       |                                    |                        |                                 |
|              |                                                                                       |                       |                                    |                        |                                 |
|              | <b>Tổng giá cho Công nhật: Nhân công</b><br>(kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp) |                       |                                    |                        | (C1)                            |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

## Bảng Đơn giá Công nhật

### 2. Vật liệu

| Công việc số | Mô tả <sup>(1)</sup>                                                                 | Đơn vị <sup>(2)</sup> | Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup> | Đơn giá <sup>(4)</sup> | Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND) |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1            | Xi măng Portland                                                                     | tấn                   | 0,5                                |                        |                                 |
| 2            | Thanh gia cố thép dẻo có đường kính 16mmØ đến M-31 hoặc tương đương                  | kg                    | 100                                |                        |                                 |
| 3            | Đường ống gang dẻo (800mm Ø)                                                         | m                     | 12                                 |                        |                                 |
| ...          | .....                                                                                |                       |                                    |                        |                                 |
|              |                                                                                      |                       |                                    |                        |                                 |
|              | <b>Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu</b><br>(kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp) |                       |                                    |                        | (C2)                            |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

#### Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Đơn giá Công nhật**  
**3. Thiết bị của Nhà thầu**

| Công việc số                                                                                      | Mô tả <sup>(1)</sup>          | Đơn vị <sup>(2)</sup> | Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup> | Đơn giá <sup>(4)</sup> | Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND) |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1                                                                                                 | Máy cầu bánh xích, 10 -15 tấn | giờ                   | 10                                 |                        |                                 |
| 2                                                                                                 | Ô tô cần trục, 25-50 tấn      | giờ                   | 15                                 |                        |                                 |
| 3                                                                                                 | Máy đào thủy lực, 170Hp       | giờ                   | 10                                 |                        |                                 |
| 4                                                                                                 | Máy san ủi, 3m, 100Hp         | giờ                   | 20                                 |                        |                                 |
| 5                                                                                                 | Xe téc chở nước, 5000 lít     | giờ                   | 30                                 |                        |                                 |
| 6                                                                                                 | Máy nén khí, 6000 lít/phút    | giờ                   | 40                                 |                        |                                 |
| ...                                                                                               | ....                          |                       |                                    |                        |                                 |
|                                                                                                   |                               |                       |                                    |                        |                                 |
|                                                                                                   |                               |                       |                                    |                        |                                 |
| <b>Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của Nhà thầu</b><br>(kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp) |                               |                       |                                    |                        | (C3)                            |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

### Bảng Công nhật tổng hợp

|                                                                                                               | Thành tiền<br>(VND) |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1. Tổng giá cho Công nhật: Nhân công                                                                          | (C1)                |
| 2. Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu                                                                           | (C2)                |
| 3. Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của nhà thầu                                                              | (C3)                |
| <b>Tổng giá cho Công nhật</b><br>(kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí công nhật trong Bảng giá dự thầu) | <b>Y1</b>           |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

### BẢNG KÊ CÁC KHOẢN TẠM TÍNH

Phần chi phí cho các khoản tạm tính sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá HSĐX. Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong HSĐX. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh các công việc theo mô tả thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

| Bảng số                                                                                                                     | Công việc số | Mô tả <sup>(1)</sup> | Thành tiền (VND) <sup>(2)</sup> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|---------------------------------|
|                                                                                                                             |              |                      |                                 |
|                                                                                                                             |              |                      |                                 |
| ...                                                                                                                         |              |                      |                                 |
| ....                                                                                                                        |              |                      |                                 |
|                                                                                                                             |              |                      |                                 |
| <b>Tổng các khoản tạm tính</b><br>(kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng giá dự thầu) |              |                      | <b>Y2</b>                       |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Do Chủ đầu tư điền nội dung công việc để nhà thầu làm căn cứ chào trong HSĐX theo đúng nội dung công việc nêu trong HSYC.

(2) Nhà thầu ghi thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**BẢNG KÊ SỔ LIỆU ĐIỀU CHỈNH**  
(áp dụng cho hợp đồng theo đơn điều chỉnh)

| Mã Chỉ số        | Mô tả Chỉ số     | Nguồn Chỉ số | Giá trị cơ sở và Ngày cơ sở | Số tiền | Hệ số điểm do nhà thầu đề xuất |
|------------------|------------------|--------------|-----------------------------|---------|--------------------------------|
|                  | Không điều chỉnh | —            | —                           | —       | a: 0.10 ~ 0.20                 |
|                  | Điều chỉnh       | —            | —                           | —       | b:<br>c:<br>d:<br>e:           |
| <b>Tổng cộng</b> |                  |              |                             |         | <b>1.00</b>                    |

Do Chủ đầu tư ghi

Do Nhà thầu ghi

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU <sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_\_  
 Tên gói thầu: \_\_\_\_\_

Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]*

Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:  
*[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]*

Năm thành lập công ty:

Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*:

Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu

Tên: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Số điện thoại: \_\_\_\_\_

Địa chỉ email: \_\_\_\_\_

1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...

2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

**Ghi chú:**

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

|                                                                                                                                       |                                                                                                                        |                                                                                                    |                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| Tên và số hợp đồng                                                                                                                    | [ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]                                                                              |                                                                                                    |                          |
| Ngày ký hợp đồng                                                                                                                      | [ghi ngày, tháng, năm]                                                                                                 |                                                                                                    |                          |
| Ngày hoàn thành                                                                                                                       | [ghi ngày, tháng, năm]                                                                                                 |                                                                                                    |                          |
| Giá hợp đồng                                                                                                                          | [ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]                                                                |                                                                                                    | Tương đương<br>_____ VND |
| Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận | [ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]                                                                  | [ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký] | Tương đương<br>_____ VND |
| Tên dự án/dự toán mua sắm:                                                                                                            | [ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]                                                    |                                                                                                    |                          |
| Tên Chủ đầu tư:                                                                                                                       | [ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]                                                            |                                                                                                    |                          |
| Địa chỉ:<br>Điện thoại:<br>E-mail:                                                                                                    | [ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]<br>[ghi số điện thoại kể cả mã quốc gia, mã vùng]<br>[ghi địa chỉ e-mail] |                                                                                                    |                          |
| <b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II <sup>(2)</sup></b>                                                    |                                                                                                                        |                                                                                                    |                          |
| 1. Loại kết cấu, cấp công trình                                                                                                       | [ghi thông tin trong hợp đồng]                                                                                         |                                                                                                    |                          |
| 2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện                                                                                                      | [ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]                          |                                                                                                    |                          |
| 3. Quy mô thực hiện                                                                                                                   | [ghi thông tin trong hợp đồng]                                                                                         |                                                                                                    |                          |
| 4. Phương pháp, công nghệ                                                                                                             | [ghi thông tin trong hợp đồng]                                                                                         |                                                                                                    |                          |
| 5. Các nội dung khác                                                                                                                  | [ghi thông tin (nếu có)]                                                                                               |                                                                                                    |                          |

**Ghi chú:**

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này. Trường hợp HSYC không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự thì bỏ qua Bảng này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

### BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSDX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì HSDX bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSDX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

| STT | Họ và tên                                                    | Vị trí công việc                                             |
|-----|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1   | <i>[ghi thông tin họ và tên nhân sự chủ chốt trong HSDX]</i> | <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i> |
| 2   |                                                              |                                                              |
| ... |                                                              |                                                              |

### BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

| Thông tin nhân sự |                              |                                |        |                       |                               | Công việc hiện tại         |                                    |           |                                                     |                                                        |                      |
|-------------------|------------------------------|--------------------------------|--------|-----------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| STT               | Tên                          | Căn cước công dân/<br>Hộ chiếu | Vị trí | Ngày, tháng, năm sinh | Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn | Tên người sử dụng lao động | Địa chỉ của người sử dụng lao động | Chức danh | Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại | Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự) | Điện thoại/<br>Email |
| 1                 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] |                                |        |                       |                               |                            |                                    |           |                                                     |                                                        |                      |
| 2                 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 2] |                                |        |                       |                               |                            |                                    |           |                                                     |                                                        |                      |
| ...               |                              |                                |        |                       |                               |                            |                                    |           |                                                     |                                                        |                      |
| n                 | [ghi tên nhân sự chủ chốt n] |                                |        |                       |                               |                            |                                    |           |                                                     |                                                        |                      |

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin trong HSDX theo yêu cầu tại Bảng trên.

## BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

| STT | Tên nhân sự chủ chốt         | Từ ngày | Đến ngày | Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan |
|-----|------------------------------|---------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | ...     | ...      | ...                                                                                           |
|     |                              |         |          |                                                                                               |
|     |                              |         |          |                                                                                               |
| 2   | [ghi tên nhân sự chủ chốt 2] |         |          |                                                                                               |
|     |                              |         |          |                                                                                               |
|     |                              |         |          |                                                                                               |
| ... | ...                          |         |          |                                                                                               |

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu đề xuất trong HSDX không đáp ứng yêu cầu thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu có ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong HSDX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đầu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

| STT | Thông tin thiết bị |                        |                    |              |                    |              | Hiện trạng |                                            | Nguồn thiết bị<br>(Sở hữu của<br>nhà thầu/đi<br>thuê/cho<br>thuê/chế tạo<br>đặc biệt) |
|-----|--------------------|------------------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Loại thiết bị      | Tên nhà<br>sản<br>xuất | Đời máy<br>(model) | Công<br>suất | Năm<br>sản<br>xuất | Tính<br>năng | Xuất xứ    | Địa<br>điểm<br>hiện tại<br>của<br>thiết bị | Thông tin về<br>tình hình<br>huy động, sử<br>dụng thiết bị<br>hiện tại                |
|     |                    |                        |                    |              |                    |              |            |                                            |                                                                                       |
|     |                    |                        |                    |              |                    |              |            |                                            |                                                                                       |

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

| STT | Chủ sở hữu    |                |                    |               | Thỏa thuận    |                                                                                        |
|-----|---------------|----------------|--------------------|---------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Loại thiết bị | Tên chủ sở hữu | Địa chỉ chủ sở hữu | Số điện thoại | Địa chỉ email | Thông tin chi tiết về thỏa thuận<br>thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ<br>thể cho dự án |
|     |               |                |                    |               |               |                                                                                        |
|     |               |                |                    |               |               |                                                                                        |

## HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

### Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II

☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_\_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_\_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

| Năm | Phần việc hợp đồng không hoàn thành | Mô tả hợp đồng                                                                                                   | Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND) |
|-----|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                     | Mô tả hợp đồng: _____<br>Tên Chủ đầu tư: _____<br>Địa chỉ: _____<br>Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____ |                                                                                                |

### Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

|                                                                      |                                                                                                          |        |        |
|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|
|                                                                      | Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này) |        |        |
|                                                                      | Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC                                           |        |        |
|                                                                      | Năm 1:                                                                                                   | Năm 2: | Năm 3: |
| Tổng tài sản                                                         |                                                                                                          |        |        |
| Tổng nợ                                                              |                                                                                                          |        |        |
| Giá trị tài sản ròng                                                 |                                                                                                          |        |        |
| Doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT)                          |                                                                                                          |        |        |
| Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(2)</sup> |                                                                                                          |        |        |
| Lợi nhuận trước thuế                                                 |                                                                                                          |        |        |
| Lợi nhuận sau thuế                                                   |                                                                                                          |        |        |

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH <sup>(1)</sup>**

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(2)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 09C Chương này.

| Nguồn lực tài chính của nhà thầu            |                 |               |
|---------------------------------------------|-----------------|---------------|
| STT                                         | Nguồn tài chính | Số tiền (VND) |
| 1                                           |                 |               |
| 2                                           |                 |               |
| 3                                           |                 |               |
| 4                                           |                 |               |
| 5                                           |                 |               |
| ...                                         |                 |               |
| Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL) |                 |               |

**Ghi chú:**

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 09C).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC)

tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II.

Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và trong HSĐX của nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 09C.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG  
CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**

| STT                                                                                            | Tên hợp đồng | Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, email) | Ngày hoàn thành hợp đồng | Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) <sup>(2)</sup> | Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) <sup>(3)</sup> | Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A) |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1                                                                                              |              |                                                           |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| 2                                                                                              |              |                                                           |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| 3                                                                                              |              |                                                           |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| 4                                                                                              |              |                                                           |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| ...                                                                                            |              |                                                           |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| <b>A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)</b> |              |                                                           |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |

**Ghi chú:**

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**

| STT | Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup> | Phạm vi công việc <sup>(3)</sup> | Khối lượng công việc <sup>(4)</sup> | Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup> | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) <sup>(6)</sup> |
|-----|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1   |                                 |                                  |                                     |                                   |                                                                           |
| 2   |                                 |                                  |                                     |                                   |                                                                           |
| ... |                                 |                                  |                                     |                                   |                                                                           |

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp HSYC có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 12.2 Chương I. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh được sử dụng nhà thầu phụ đối với phần công việc đảm nhận theo tỷ lệ % quy định tại Mục 12.2 Chương I.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản chụp được chứng thực các tài liệu này trong HSĐX. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT<sup>(1)</sup>**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.3 Chương II.

| STT | Tên nhà thầu phụ đặc biệt <sup>(2)</sup> | Phạm vi công việc <sup>(3)</sup> | Khối lượng công việc <sup>(4)</sup> | Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup> | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt <sup>(6)</sup> |
|-----|------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1   |                                          |                                  |                                     |                                   |                                                                           |
| 2   |                                          |                                  |                                     |                                   |                                                                           |
| ... |                                          |                                  |                                     |                                   |                                                                           |

**Ghi chú:**

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.
- (3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm các tài liệu này trong HSDX.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

| STT | Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup> | Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup> | Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup> | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|
| 1   |                                                    |                                                  |                                             |         |
| 2   |                                                    |                                                  |                                             |         |
| 3   |                                                    |                                                  |                                             |         |
| 4   |                                                    |                                                  |                                             |         |
| 5   |                                                    |                                                  |                                             |         |
| ... |                                                    |                                                  |                                             |         |

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

### BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

| STT | Công trình | Địa điểm | Thời gian hoàn thành công trình                                                           |                                                                                            | Thời gian hoàn thành công trình do nhà thầu đề xuất<br>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực] |
|-----|------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |          | Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất<br>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực] | Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất<br>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực] |                                                                                                      |
| (1) | (2)        | (3)      | (4)                                                                                       | (5)                                                                                        | (6)                                                                                                  |
|     |            |          |                                                                                           |                                                                                            |                                                                                                      |

**Ghi chú:**

(2), (3), (4), (5): Chủ đầu tư điền theo yêu cầu tại Chương IV.

(6): Nhà thầu đề xuất.

## Phần 2. YÊU VÀU VỀ XÂY LẮP

### Chương IV. YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

#### I. Giới thiệu về gói thầu

##### 1. Phạm vi công việc của gói thầu.

##### 1.1. Công trình:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Thi công xây lắp kho thành phẩm mới Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk. Hạng mục: Xây dựng nhà kho thành phẩm.
- Địa điểm xây dựng: Xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk
- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, Cấp III.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.
- Nguồn vốn: Kế hoạch năm 2025.

##### 1.2. Mục tiêu, Quy mô xây dựng công trình:

##### 1.2.1. Mục tiêu dự án:

Việc đầu tư xây dựng công trình nhằm mở rộng diện tích kho chứa mủ, đáp ứng được nơi lưu trữ và bảo quản được tốt hơn. Đồng thời góp phần nâng cao cơ sở vật chất, quy hoạch đồng bộ kho bãi đáp ứng được nhu cầu lưu trữ, bảo quản thành phẩm

##### 1.2.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

Diện tích làm mới: 24x48m, được thiết kế hệ kèo cột chính là I200x(400-650)x10x6, các hệ kèo cột phụ I đúc 175x350x7x11, hệ kèo mái I200x(350x714)x10x6, và giằng I200x350x10x6 các vị trí giằng cột thiết kế 2V63x60x5. Xà gồ mái C150x50x15x1,8mm, các vị trí xà gồ bố trí ty giằng thép D12. Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu dày 0,45mm. Các lấy gió bằng lam thông gió, vách tường bằng tôn sóng vuông mạ màu dày 0,35mm. Cửa dùng hệ cửa cuốn Đài Loan, có bình lưu điện. Móng nhà thiết kế hệ móng trụ, móng chính kích thước 2,2x2,2m. Móng phụ 2,2x1,6m phía trên hệ giằng đà kiềng 200x300. Các trụ bê tông cấy bulong liên kết kèo M27x800, móng xây đá hộc VXM mác 50. Nền nhà bê tông đá 1x2 mác 200 dày 15cm.

#### BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC:

| STT | Tên công tác                                                                                                   | Đơn vị            | Khối lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|
|     | <b>NỀN MÓNG</b>                                                                                                |                   |            |
| 1   | Phát dọn phong hóa                                                                                             | 100m <sup>2</sup> | 11.5200    |
| 2   | Vận chuyển phế thải bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dày lớp bóc ≤ 5cm                                                | 100m <sup>2</sup> | 11.5200    |
| 3   | Đào móng công trình, chiều rộng móng ≤ 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp II                         | 100m <sup>3</sup> | 3.0308     |
| 4   | Đào đất móng bằng thủ công, rộng ≤ 3m, sâu ≤ 1m, đất cấp III                                                   | m <sup>3</sup>    | 21.6000    |
| 5   | Bê tông gạch vỡ sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công mác 50                                                | m <sup>3</sup>    | 18.4880    |
| 6   | Ván khuôn gỗ, ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật                                                         | 100m <sup>2</sup> | 0.8640     |
| 7   | Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép ≤ 18mm                                 | tấn               | 2.4170     |
| 8   | Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng ≤ 250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 250 | m <sup>3</sup>    | 40.2090    |

|                 |                                                                                                                                                           |                   |            |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|
| 9               | Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$                               | tấn               | 0.1110     |
| 10              | Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $> 18\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$                                  | tấn               | 3.6010     |
| 11              | Bu lon móng M27x800, Bu lon cường độ 5,6 (Nội suy trang 214/233 SXD-T3)                                                                                   | bộ                | 180.0000   |
| 12              | Bu lon móng M24x600, Bu lon cường độ 5,6                                                                                                                  | bộ                | 48.0000    |
| 13              | Đổ bù chân móng Sika grout 214-11                                                                                                                         | kg                | 94.2500    |
| 14              | Ván khuôn gỗ, ván khuôn cột, cột vuông, chữ nhật                                                                                                          | 100m <sup>2</sup> | 0.5877     |
| 15              | Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông cột tiết diện $> 0,1\text{m}^2$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 250 | m <sup>3</sup>    | 12.4740    |
| 16              | Xây móng bằng đá hộc, chiều dày $\leq 60\text{cm}$ , vữa XM mác 75                                                                                        | m <sup>3</sup>    | 59.5080    |
| 17              | Ván khuôn gỗ, ván khuôn xà dầm, giằng                                                                                                                     | 100m <sup>2</sup> | 1.0080     |
| 18              | Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$                          | tấn               | 0.2780     |
| 19              | Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$                          | tấn               | 1.0780     |
| 20              | Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông xà dầm, giằng nhà; chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 250                | m <sup>3</sup>    | 11.0400    |
| 21              | Mua đất tôn nền (tham chiếu giá sở XD khu vực BMT)                                                                                                        | m <sup>3</sup>    | 1,043.2910 |
| 22              | Đắp đất nền đường bằng máy lu bánh thép 9 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,95                                                                                     | 100m <sup>3</sup> | 10.4329    |
| 23              | Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90, đắp đất móng cột                                                                    | 100m <sup>3</sup> | 2.6287     |
| 24              | Rải vật liệu cách ly khi đổ bê tông nền                                                                                                                   | 100m <sup>2</sup> | 11.7736    |
| 25              | Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 200                                                          | m <sup>3</sup>    | 183.4340   |
| 26              | Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19, chiều dày $\leq 10\text{cm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$ , vữa XM mác 75                                           | m <sup>3</sup>    | 10.9908    |
| 27              | Láng nền sàn có đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75                                                                                                    | m <sup>2</sup>    | 10.5600    |
| 28              | Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75                                                                                                     | m <sup>2</sup>    | 287.1000   |
| 29              | Quét nước xi măng 2 nước                                                                                                                                  | m <sup>2</sup>    | 287.1000   |
| <b>NHÀ THÉP</b> |                                                                                                                                                           |                   |            |
| 30              | Gia công cột bằng thép hình                                                                                                                               | tấn               | 8.3050     |
| 31              | Gia công cột bằng thép tấm                                                                                                                                | tấn               | 9.7790     |
| 32              | Gia công vì kèo thép hình khẩu độ lớn, khẩu độ 18-24 m                                                                                                    | tấn               | 18.2060    |
| 33              | Gia công xà gồ thép                                                                                                                                       | tấn               | 10.7560    |
| 34              | Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ                                                                                                    | m <sup>2</sup>    | 744.4840   |
| 35              | Gia công giằng thép                                                                                                                                       | tấn               | 1.5700     |
| 36              | Lắp dựng cột thép các loại                                                                                                                                | tấn               | 18.0840    |
| 37              | Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ $> 18\text{m}$                                                                                                               | tấn               | 18.2060    |
| 38              | Lắp dựng xà gồ thép                                                                                                                                       | tấn               | 10.7560    |
| 39              | Lắp dựng giằng thép liên kết bằng bu lông                                                                                                                 | tấn               | 1.5700     |
| 40              | Bu lon M24x80 cường độ 8.8                                                                                                                                | bộ                | 882.0000   |
| 41              | Bu lon M16x60 cường độ 8.8                                                                                                                                | bộ                | 384.0000   |
| 42              | Bu lon M10x40 (5.6)                                                                                                                                       | bộ                | 1,768.0000 |
| 43              | Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ                                                                                                           | 100m <sup>2</sup> | 15.3264    |
| 44              | Lợp mái tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ                                                                                                               | 100m <sup>2</sup> | 10.6608    |
| 45              | Cáp thép D10                                                                                                                                              | m                 | 192.0000   |
| 46              | Tăng đơ M16, ốc cáp                                                                                                                                       | bộ                | 32.0000    |
| 47              | Máng xối                                                                                                                                                  | md                | 96.0000    |

|    |                                                                                                   |      |          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 48 | Quả cầu thông gió inox                                                                            | cái  | 4.0000   |
| 49 | Lam lấy gió                                                                                       | m2   | 12.0000  |
| 50 | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm | 100m | 2.7000   |
| 51 | Lắp đặt côn nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn 89mm                  | cái  | 72.0000  |
| 52 | Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính $\leq 27\text{mm}$                 | m    | 240.0000 |
| 53 | Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 2,5\text{mm}^2$                                                      | m    | 240.0000 |
| 54 | Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 6\text{mm}^2$                                                        | m    | 30.0000  |
| 55 | Lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng, độ cao của tủ điện $< 2\text{m}$                           | tủ   | 1.0000   |
| 56 | Lắp đặt aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện $\leq 10\text{Ampe}$                               | cái  | 4.0000   |
| 57 | Lắp đặt aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện $\leq 50\text{Ampe}$                               | cái  | 1.0000   |
| 58 | Lắp đặt các loại đèn có chao chụp - Đèn sát trần                                                  | bộ   | 15.0000  |
| 59 | Lắp dựng cửa cuốn lá sắt 1mm                                                                      | m2   | 78.0200  |
| 60 | Cửa cuốn lá sắt 1mm (Trang 129/501)                                                               | m2   | 83.0400  |
| 61 | Motor 800kg (Trang 129/501)                                                                       | bộ   | 4.0000   |
| 62 | Bộ lưu điện cửa cuốn 12V/20Ah x 3 (1400W) (Trang 129/501)                                         | bộ   | 2.0000   |
| 63 | Lắp dựng khung nhôm phòng làm việc                                                                | m2   | 43.2000  |
| 64 | Lắp đặt quạt treo tường                                                                           | cái  | 1.0000   |
| 65 | Lắp đặt các loại đèn ống dài 1,2m, loại hộp đèn 1 bóng                                            | bộ   | 2.0000   |
| 66 | Lắp đặt aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện $\leq 10\text{Ampe}$                               | cái  | 1.0000   |
| 67 | Lắp đặt ổ cắm đôi                                                                                 | cái  | 4.0000   |
| 68 | Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 4\text{mm}^2$                                                        | m    | 30.0000  |

**2. Thời hạn hoàn thành: 75 ngày.**

## **II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

| STT | Công trình | Địa điểm | Thời gian hoàn thành công trình                                                        |                                                                                         |
|-----|------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |          | Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực] | Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực] |
| (1) | (2)        | (3)      | (4)                                                                                    | (5)                                                                                     |

|   |                                                |         |         |         |
|---|------------------------------------------------|---------|---------|---------|
| 1 | Gói thầu XL:<br>[.....] công trình:<br>[.....] | [.....] | 50 ngày | [.....] |
|---|------------------------------------------------|---------|---------|---------|

### III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

**1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:** Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

#### 2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát

- Tổ chức kỹ thuật thi công: Nhà thầu phải cử người có đủ năng lực và kinh nghiệm theo đề xuất trong HSDT thường xuyên có mặt tại công trường để quản lý và điều hành thi công công trình đúng yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế và các quy trình, quy phạm hiện hành.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về kỹ thuật và giải pháp thi công của mình nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ và đúng đắn các yêu cầu kỹ thuật quy định và chỉ dẫn của cán bộ giám sát.

- Trong quá trình thi công nhà thầu phải thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng thi công. Tất cả các công tác theo dõi và kiểm tra chất lượng tại hiện trường của Nhà thầu phải ghi chép vào sổ nhật ký thi công. Đối với các tài liệu cơ bản, tài liệu thí nghiệm, biên bản nghiệm thu... Nhà thầu phải lập thành hồ sơ lưu giữ cả ở công trường lẫn văn phòng của Nhà thầu để cán bộ giám sát, Chủ đầu tư và bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư ủy quyền có thể tham khảo và xem xét vào bất kỳ thời gian nào.

- Cán bộ giám sát hoặc Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu xử lý, phá bỏ hoặc thi công lại các hạng mục công việc mà kết quả kiểm tra cho thấy không đảm bảo chất lượng theo đúng các yêu cầu kỹ thuật quy định. Trong trường hợp như vậy Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc thi công lại, giám sát, thí nghiệm và các chi phí khác phát sinh từ việc thi công lại của Nhà thầu.

#### \* Yêu cầu cụ thể:

Thuyết minh biện pháp kỹ thuật thi công phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, tuân thủ quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành áp dụng thi công, nghiệm thu các công việc, hạng mục công trình, và toàn bộ công trình.

Thuyết minh biện pháp kỹ thuật thi công của nhà thầu phải được căn cứ vào máy móc, thiết bị, công nghệ mà nhà thầu đang dự kiến áp dụng để thi công gói thầu; các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng hiện hành và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

Thiết bị thi công dự kiến để thi công công trình phải bảo đảm hoạt động tốt, an toàn, đáp ứng các điều kiện hoạt động, vận hành, lưu thông trên công trường. Tuyệt đối không được sử dụng các máy móc, thiết bị không đủ điều kiện hoạt động, vận hành theo quy định để dự kiến sử dụng để thi công cho công trình.4

### 3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư

- Vật liệu phải đạt các yêu cầu chung theo các quy định hiện hành
- Máy móc, thiết bị phải đạt tiêu chuẩn an toàn theo quy định

#### BẢNG LIỆT KÊ CHI TIẾT CHỦNG LOẠI VẬT LIỆU SỬ DỤNG THI CÔNG CÔNG TRÌNH

| STT | Tên, nhãn hiệu vật tư                 | Xuất xứ | Quy cách, thông số kỹ thuật | Tiêu chuẩn |
|-----|---------------------------------------|---------|-----------------------------|------------|
| 1   | Xi măng PCB40                         |         |                             |            |
| 2   | Cát vàng, cát mịn                     |         |                             |            |
| 3   | Đá xây dựng các loại (đá 1x2, 4x6...) |         |                             |            |
| 4   | Sơn các loại...                       |         |                             |            |
| 5   | Thép xây dựng các loại...             |         |                             |            |
| 6   | Thiết bị điện các loại...             |         |                             |            |

Nhà thầu phải lập bảng kê vật liệu chính dự thầu đạt yêu cầu mẫu trên, lưu ý phải ghi rõ, tên thương hiệu cụ thể của 1 loại vật liệu hoặc tương đương, thông số kỹ thuật của vật liệu đó và Tiêu chuẩn thí nghiệm, kiểm tra theo TCVN hiện hành.

- Trong quá trình thi công, nhà thầu không được tùy tiện đưa các loại vật tư, thiết bị không đúng quy định hồ sơ thiết kế được duyệt, hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu,...

- Vật tư đưa vào công trường phải có hóa đơn, chứng từ chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, chứng nhận về chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất và kết quả thí nghiệm do các phòng thí nghiệm hợp chuẩn thực hiện.

- Trường hợp có sự thay đổi chủng loại vật tư, thiết bị thì nhà thầu phải xin phép Chủ đầu tư trước khi thực hiện. Sau khi được phép thay đổi thì nhà thầu phải đưa mẫu cho Chủ đầu tư duyệt trước hoặc tùy loại vật tư cần phải thử mẫu (việc thử mẫu phải được thực hiện bởi một đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, có chức năng thực hiện theo quy định và phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư) thì phải đưa kết quả thử mẫu cho chủ đầu tư để chủ đầu tư quyết định, chi phí thử mẫu do nhà thầu chi trả.

### 4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa nhà thầu phải có thuyết minh:

- Nhà thầu phải tuân thủ trình tự thi công lắp đặt từng hạng mục công việc của công trình phù hợp với thiết kế Bản vẽ thi công, bảo đảm an toàn trong quá trình [.....]

- Trong bảng tiến độ thi công chi tiết do nhà thầu lập, phải bảo đảm trình tự thi công theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Quản lý chất lượng: Nhà thầu phải có thuyết minh cụ thể biện pháp, quy trình quản lý chất lượng từ khi ký hợp đồng đến khi kết thúc bàn giao đảm bảo yêu cầu tốt nhất của chủ đầu tư.

- Quy trình và kế hoạch triển khai gói thầu: Nhà thầu phải có thuyết minh cụ thể các công việc phải thực hiện để đảm bảo các bước theo yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, bảo quản vận chuyển hàng hóa hợp lý, phù hợp với hiện trạng công trình và hiệu quả kinh tế.

- Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết về kế hoạch, phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa trong điều kiện thời tiết bất lợi như mưa bão để không ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và tiến độ cung cấp hàng hóa. Có thuyết minh phân tích cụ thể cung đường vận chuyển đến từng địa điểm giao hàng, cách thức vận chuyển đến đơn vị sử dụng và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại E-HSMT. Nhà thầu phải có thuyết minh rõ ràng, cụ thể các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy trong quá trình sản xuất, cung cấp hàng hóa theo quy định, khi giao hàng phải có biện pháp kiểm tra nghiệm thu, trong đó thuyết minh rõ rõ trách nhiệm các bên trong quá trình giao nhận.

- Đảm bảo chất lượng: Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết phương án đảm bảo chất lượng trong quá trình sản xuất, cung cấp hàng hóa theo yêu cầu kỹ thuật của HSMT. Có sơ đồ quản lý chất lượng hàng hóa hợp lý, khả thi

#### **5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn nhà thầu phải có thuyết minh:**

- Đối với các hạng mục công tác cần thử nghiệm trước khi đưa vào vận hành chính thức nhà thầu phải lập kế hoạch vận hành chạy thử tĩnh, không tải đảm bảo an toàn trước khi đưa vào nghiệm thu bàn giao công trình.

#### **6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ nhà thầu phải có thuyết minh:**

- Nhà thầu phải có biện pháp phòng chống cháy nổ đối với kho bãi chứa vật tư, máy móc, thiết bị thi công. Cử cán bộ thường trực bảo đảm công tác an toàn, phòng chống cháy nổ. Bố trí các thiết bị chữa cháy như: thùng cát, bể nước cứu hỏa, máy bơm cứu hỏa, bình xịt khí CO<sub>2</sub>, có biển chỉ dẫn tiêu lệnh an toàn phòng cháy chữa cháy đặt ở những vị trí dễ nhìn thấy, dễ quan sát...

- Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp hợp lý khả thi và phù hợp với pháp luật chuyên ngành các biện pháp phòng chống cháy nổ đối với các công đoạn công việc trong quá trình Xây lắp.

- Nhà thầu phải đề xuất phương án xử lý khi có xảy ra tình huống cháy nổ trên công trường.

#### **7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường nhà thầu phải có thuyết minh:**

Nhà thầu phải có thuyết minh đảm bảo vệ sinh môi trường trên công trường và trong công tác chuyên chở vật liệu đặc biệt là công tác xử lý rác thải và vận chuyển rác thải theo quy định.

- Đối với khu vực lán trại phải có hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt; hệ thống hầm tự hoại để xử lý các nước thải, chất thải sinh hoạt của công nhân thi công công trình.

- Đối với môi trường khu vực công trình thi công, phải có hệ thống tưới

nước hạn chế khói bụi của phương tiện vận chuyển trên công trường.

- Đối với kho bãi chứa vật liệu: những vật liệu là chất lỏng, chất khí có ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh phải có biện pháp bảo vệ bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

- Nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình Xây lắp hợp lý, khả thi và đúng quy định của pháp luật về đảm bảo vệ sinh môi trường trong xây dựng.

- Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp cụ thể, hợp lý khả thi hạn chế tiếng ồn trong Xây lắp nhằm hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

#### **8. Yêu cầu về an toàn lao động nhà thầu phải có thuyết minh:**

- Đối với công nhân trên công trường phải có trang bị bảo hộ lao động. Cán bộ công nhân trên công trường phải được tập huấn an toàn lao động.

- Đối với các công việc thi công trên cao nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp đảm bảo an toàn khi thi công trên cao hợp lý, khả thi phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

- Đối với máy móc thiết bị thi công trên công trường phải có biện pháp bảo đảm an toàn máy móc, thiết bị...

- Nhà thầu phải Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động.

- Nhà thầu phải thuyết minh cụ thể, hợp lý khả thi Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công.

- Nhà thầu phải thuyết minh Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị.

#### **9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:**

- Nhà thầu có thể thuê mượn nhân công, thiết bị tại địa phương trong quá trình thi công tuy nhiên nhà thầu phải có đội ngũ công nhân thường trực có tay nghề và lực lượng xe máy thiết bị cần thiết đáp ứng theo yêu cầu của HSYC để đảm bảo tiến độ thi công.

- Máy móc thiết bị: Máy móc thiết bị thi công chủ yếu phải đáp ứng đủ số lượng, chủng loại, tính năng kỹ thuật của thiết bị theo yêu cầu tổ chức thi công công trình theo quy định.

#### **10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:**

Nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục để đảm bảo tiến độ và tính hợp lý trong quá trình sử dụng nhân lực, vật lực trên công trường.

#### **11. Yêu cầu thuyết minh về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:**

- Nhà thầu thi công phải có bản thuyết minh các biện pháp bảo đảm chất lượng thi công và phương pháp kiểm tra chất lượng thi công cụ thể, rõ ràng.

- Quản lý chất lượng vật tư: Tiếp nhận, lưu kho, bảo quản.

- Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công.

- Công tác cung cấp mẫu vật tư, kết quả kiểm nghiệm, bảo dưỡng, nghiệm thu.

- Bảo đảm công tác sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình khi hoàn thành.

- Trong ban chỉ huy trường công trường phải phân công cán bộ phụ trách chung, cán bộ chuyên trách giám sát kỹ thuật. Người được giao nhiệm vụ giám sát kỹ thuật phải thường xuyên có mặt tại hiện trường để phối hợp với giám sát kỹ thuật của chủ đầu tư cùng kiểm tra, xác nhận toàn bộ quá trình thi công công trình.

#### IV. Các bản vẽ

HSYC này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

| STT | Ký hiệu | Tên bản vẽ           | Phiên bản/ngày phát hành |
|-----|---------|----------------------|--------------------------|
| 1   | KT 01   | MB định vị           | 09/2025                  |
| 2   | KT 02   | MB Cao độ hiện trạng | 09/2025                  |
| 3   | KT 03   | MB Nhà xưởng         | 09/2025                  |
| 4   | KT 04   | Chi tiết văn phòng   | 09/2025                  |
| 5   | KT 05   | MB mái nhà xưởng     | 09/2025                  |
| 6   | KT 06   | MB vì kèo            | 09/2025                  |
| 7   | KT 07   | MB xà gồ mái         | 09/2025                  |
| 8   | KT 08   | MB xà gồ nóc gió mái | 09/2025                  |
| 9   | KT 09   | MB giằng mái         | 09/2025                  |
| 10  | KT 10   | Mặt đứng trục A-F    | 09/2025                  |
| 11  | KT 11   | Mặt đứng trục F-A    | 09/2025                  |
| 12  | KT 12   | Mặt đứng trục 1-9    | 09/2025                  |
| 13  | KT 13   | Mặt đứng xà gồ vách  | 09/2025                  |
| 14  | KT 14   | Mặt đứng xà gồ vách  | 09/2025                  |
| 15  | KT 15   | Chi tiết vì kèo VK1  | 09/2025                  |
| 16  | KT 16   | Chi tiết cấu tạo     | 09/2025                  |
| 17  | KT 17   | Chi tiết cấu tạo     | 09/2025                  |
| 18  | KT 18   | Chi tiết cấu tạo     | 09/2025                  |

|    |       |                        |         |
|----|-------|------------------------|---------|
| 19 | KT 19 | Chi tiết cấu tạo       | 09/2025 |
| 20 | KT 20 | Chi tiết vì kèo VK2    | 09/2025 |
| 21 | KT 21 | Chi tiết lam gió       | 09/2025 |
| 22 | KT 22 | Mặt bằng móng          | 09/2025 |
| 23 | KT 23 | Chi tiết móng          | 09/2025 |
| 24 | KT 24 | Mặt bằng đà kiềng móng | 09/2025 |
| 20 | KT 20 | Chi tiết vì kèo VK2    | 09/2025 |
| 21 | KT 21 | Chi tiết lam gió       | 09/2025 |
| 22 | KT 22 | Mặt bằng móng          | 09/2025 |
| 23 | KT 23 | Chi tiết móng          | 09/2025 |
| 24 | KT 24 | MB đà kiềng móng       | 09/2025 |
| 25 | KT 25 | MB móng đá học         | 09/2025 |
| 26 | KT 26 | MB chiếu sáng          | 09/2025 |
| 27 | KT 27 | MB nền nhà xưởng       | 09/2025 |
| 28 | KT 28 | MB nhà cầu nổi         | 09/2025 |
| 29 | KT 29 | Thông kê thép          | 09/2025 |
| 30 | KT 30 | Thông kê thép          | 09/2025 |

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

#### Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

*Điều kiện hợp đồng bao gồm ĐKC, ĐKCT của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của các bên.*

*ĐKC Hợp đồng được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này. ĐKCT quy định cụ thể các nội dung tương ứng với ĐKC khi áp dụng đối với từng gói thầu nhằm bổ sung thông tin cần thiết để hoàn chỉnh hợp đồng, đảm bảo tính khả thi cho việc ký kết và thực hiện hợp đồng*

*Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng hợp đồng theo kết quả đầu ra, tùy theo chất lượng đầu ra mà nhà thầu sẽ được thanh toán với giá trị khác nhau. Nếu nhà thầu thực hiện đúng yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc bằng 100% giá trị theo khối lượng công việc thực tế nhân với đơn giá (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh). Nếu nhà thầu không đảm bảo chất lượng công trình như đã đề xuất thì nhà thầu chỉ được thanh toán tương ứng với chất lượng đã hoàn thành.*

*Để áp dụng điều khoản về giảm trừ thanh toán, Chủ đầu tư, Bên mời thầu cần xây dựng phụ lục Hợp đồng, trong đó nêu rõ yêu cầu về chất lượng đầu ra; mức độ chất lượng có thể chấp nhận được; biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của công trình (ví dụ lấy mẫu phân tích, phương pháp và trình tự thủ tục sẽ áp dụng để đánh giá...); mức độ giảm trừ thanh toán theo kỳ thanh toán.*

*Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu có nguồn lực tài chính để khuyến khích nhà thầu khi nhà thầu hoàn thành việc cung cấp dịch vụ với chất lượng xuất sắc, có thể bổ sung điều khoản về “tăng giá trị thanh toán” trên nguyên tắc tương tự như đối với điều khoản giảm trừ thanh toán vào ĐKC và ĐKCT.*

|                      | <b>A. Các quy định chung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Định nghĩa</b> | <p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Bản vẽ” là các bản vẽ của công trình, bao gồm các bản vẽ theo hợp đồng và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào do Chủ đầu tư phát hành theo hợp đồng;</p> <p>1.2. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước,</p> |

không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa;

1.3. “Chủ đầu tư” là bên thuê Nhà thầu thực hiện công trình và được quy định tại **ĐKCT** ;

1.4. “Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình” là giấy chứng nhận được Chủ đầu tư phát hành trên cơ sở Nhà thầu đã khắc phục sửa chữa các sai sót của công trình trong thời hạn bảo hành công trình;

1.5. “Công trình” là các Công trình vĩnh cửu và Công trình tạm, hoặc một trong hai loại công trình này tùy từng trường hợp theo quy định **ĐKCT** ;

1.6. “Công trình tạm” là các công trình cần thiết cho việc thi công và lắp đặt công trình do Nhà thầu thiết kế, thi công, lắp đặt và tháo dỡ;

1.7. “Công trình vĩnh cửu” là các công trình có tính vĩnh cửu được thực hiện bởi Nhà thầu theo Hợp đồng;

1.8. “Công trường” là khu vực được xác định trong **ĐKCT** ;

1.9. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc thực hiện và hoàn thành công trình, trong đó bao gồm cả chi phí cho việc duy tu bảo dưỡng công trình. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);

1.10. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành và duy tu bảo dưỡng công trình, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;

1.11. “Năm” là năm dương lịch;

1.12. “Ngày” là ngày dương lịch;

1.13. “Ngày hoàn thành” là ngày hoàn thành công trình được Chủ đầu tư xác nhận theo **ĐKCT** ;

1.14. “Ngày hoàn thành dự kiến” là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được quy định tại **ĐKCT** ;

1.15. “Ngày khởi công” là ngày được ghi trong **ĐKCT** . Đó là

ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với ngày tiếp nhận mặt bằng công trường;

1.16. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT** ;

1.17. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp.

1.18. là tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất, được Nhà thầu ký Hợp đồng để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Chủ đầu tư chấp thuận;

1.19. “Nhà xưởng” là bất kỳ bộ phận không tách rời nào của công trình có chức năng cơ điện, hoá học hay sinh học;

1.20. “Sai sót” là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng;

1.21. “Sự kiện bồi thường” là các sự kiện được xác định theo Mục 41 ĐKC;

1.22. “Tháng” là tháng dương lịch;

1.23. “Thay đổi” là các yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư làm thay đổi công trình;

1.24. “Thiết bị” là nhà xưởng, xe, máy móc của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công công trình;

1.25. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao;

1.26. “Thông số kỹ thuật” là các yêu cầu kỹ thuật của công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Chủ đầu tư đưa ra hay phê duyệt;

1.27. “Tư vấn giám sát” là nhà thầu tư vấn được Chủ đầu tư lựa chọn để hoạt động thường xuyên và liên tục tại hiện trường nhằm giám sát việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình. Tên nhà thầu tư vấn giám sát được quy định tại **ĐKCT** ;

1.28. “Vật tư” là tất cả những thứ được cung cấp, kể cả các vật tư tiêu hao cho Nhà thầu sử dụng trong công trình;

|                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                               | 1.29. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b> | <p>2.1. Đối với trường hợp hoàn thành từng phần theo quy định tại <b>ĐKCT</b>, các thuật ngữ “Công trình”, “Ngày hoàn thành” và “Ngày hoàn thành dự kiến” quy định tại <b>ĐKC</b> được hiểu là áp dụng tương ứng cho từng phần của Công trình.</p> <p>2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.3 <b>ĐKC</b> (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.3. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</li> <li>b) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</li> <li>c) Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng;</li> <li>d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>đ) <b>ĐKCT</b>;</li> <li>e) <b>ĐKC</b>;</li> <li>g) HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu;</li> <li>h) HSYC và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSYC (nếu có);</li> <li>i) Các tài liệu khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</li> </ul> |
| <b>3. Luật và ngôn ngữ</b>                    | Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>4. Thông báo</b>                           | <p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc dưới dạng điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>5. Bảo đảm thực hiện hợp</b>               | 5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>đồng</b></p>                                                  | <p>thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> |
| <p><b>6. An toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường</b></p> | <p>An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ</p> <p>6.1. An toàn lao động</p> <p>a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận;</p> <p>b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn;</p> <p>c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;

đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

## 6.2. Bảo vệ môi trường

a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường; phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định;

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường;

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

## 6.3. Phòng chống cháy nổ:

|                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         | Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>7. Nhà thầu phụ</b>                  | <p>7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại <b>ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDX chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>7.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 7.1 <b>ĐKC</b> thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>7.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.</p> <p>7.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> |
| <b>8. Hợp tác với các Nhà thầu khác</b> | <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.</p> <p>Trường hợp có quy định trong Thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác với và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

|                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>9. Nhân sự và Thiết bị</b></p> | <p>9.1. Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSDX hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong E-HSDT.</p> <p>9.2. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cho nhân sự của Nhà thầu thôi việc với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.</p> <p>9.3. Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu có các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc theo Mục 9.2 ĐKC.</p>                                                    |
| <p><b>10. Bất khả kháng</b></p>      | <p>10.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>10.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>10.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao</p> |

|                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                              | <p>gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>10.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>10.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> |
| <b>11. Rủi ro của Chủ đầu tư và Nhà thầu</b> | <p>Chủ đầu tư chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Chủ đầu tư, Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Nhà thầu.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>12. Rủi ro của Chủ đầu tư</b>             | <p>12.1. Kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro sau đây:</p> <p>a) Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư hỏng tài sản (ngoại trừ Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị) do lỗi của Chủ đầu tư hoặc nhân sự của Chủ đầu tư;</p> <p>b) Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư, do thiết kế của Chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng.</p> <p>12.2. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro tổn thất hay hư hại Công Trình, Nhà Xưởng, Vật Tư, trừ trường hợp tổn thất hay hư hại đó bắt nguồn từ:</p> <p>(a) Một sai sót còn tồn tại vào Ngày hoàn thành;</p>                                                                                                                                                           |

|                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                        | <p>(b) Một sự việc xảy ra trước Ngày hoàn thành và không phải là rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>(c) Các hoạt động của Nhà thầu trên Công trường sau Ngày hoàn thành.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>13. Rủi ro của Nhà thầu</b>         | Nhà thầu chịu trách nhiệm về các rủi ro không phải là rủi ro của Chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (bao gồm cả Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị) kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>14. Bảo hiểm</b>                    | Yêu cầu về bảo hiểm được quy định tại <b>ĐKCT</b> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>15. Thông tin về Công trường</b>    | Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin về Công trường được nêu trong <b>ĐKCT</b> và các thông tin khác có liên quan.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>16. Bảo đảm an ninh Công trường</b> | <p>Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh Công trường. Người không có nhiệm vụ liên quan thì không được vào Công trường. Người được phép vào Công trường chỉ bao gồm Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư, người được Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về việc được phép vào Công trường (bao gồm các nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường).</p> <p>Theo quy định tại Mục 22.2 ĐKC, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch đảm bảo an ninh Công trường.</p> <p>Nhà thầu phải (i) tiến hành kiểm tra lý lịch (nếu cần thiết) đối với các nhân sự thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh Công trường; (ii) đào tạo cho các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường (hoặc đảm bảo họ đã được đào tạo đầy đủ) về việc sử dụng vũ lực, và về thái độ ứng xử phù hợp đối với Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư và các cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) yêu cầu các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường tuân thủ quy định của pháp luật và các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật.</p> <p>Nhà thầu không được cho phép các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường sử dụng vũ lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trừ trường hợp phòng ngừa và tự vệ phù hợp với bản chất</p> |

|                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                             | <p>và mức độ của các mối đe dọa.</p> <p>Khi bố trí công tác bảo đảm an ninh Công trường, Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>17. Cổ vật phát hiện tại Công trường</b> | <p>17.1. Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp bảo vệ hợp lý, bao gồm lập hàng rào quanh khu vực có những phát hiện đó để tránh gây thêm tác động và ngăn ngừa Nhân sự của Nhà thầu hoặc những người khác di dời hoặc phá hoại các phát hiện đó. Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>17.2. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng bị chậm do việc phát hiện cổ vật hoặc Nhà thầu phải tham gia việc xử lý, bảo quản, vận chuyển cổ vật thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét, giải quyết.</p> |
| <b>18. Quyền sử dụng Công trường</b>        | <p>Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng Công trường cho Nhà thầu vào ngày quy định tại <b>ĐKCT</b>. Nếu một phần nào đó của Công trường chưa được giao cho Nhà thầu sử dụng vào ngày quy định tại <b>ĐKCT</b> thì Chủ đầu tư sẽ được xem là gây chậm trễ cho việc bắt đầu các hoạt động liên quan và điều này sẽ được xác định là một Sự kiện bồi thường.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>19. Ra vào Công trường</b>               | <p>Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư hay bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư uỷ quyền ra vào Công trường và ra vào bất kỳ nơi nào đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện công việc có liên quan đến Hợp đồng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>20. Tư vấn giám sát</b>                  | <p>20.1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong Hợp đồng.</p> <p>20.2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu về việc thi công xây dựng Công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát.</p> <p>Nhà thầu và nhà thầu phụ có trách nhiệm lưu giữ các tài liệu, báo cáo và sổ sách ghi chép chính xác và có hệ thống về Công trình, thể hiện rõ những thay đổi về thời gian và chi phí liên</p>                                                                                                                                                                                                                                                          |

|                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                      | <p>quan đến Công trình.</p> <p>20.3. Trường hợp Chủ đầu tư thay đổi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>21. Giải quyết tranh chấp</b>                     | <p>21.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>21.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì một bên có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định tại <b>ĐKCT</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                                                      | <b>B. Quản lý thời gian</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>22. Ngày khởi công và Ngày hoàn thành dự kiến</b> | <p>Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào Ngày khởi công quy định tại <b>ĐKCT</b> và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Biểu tiến độ thi công chi tiết do Nhà thầu trình và được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào Ngày hoàn thành dự kiến quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>23. Biểu tiến độ thi công chi tiết</b>            | <p>23.1. Trong khoảng thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b>, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của Công trình;</li> <li>b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng;</li> <li>c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà Nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng nhân sự và thiết bị của Nhà thầu cần thiết trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính.</li> </ul> <p>Đối với hợp đồng trọn gói, các hoạt động trong Biểu tiến độ thi công chi tiết phải phù hợp với Bảng kê các hoạt động.</p> <p>23.2. Nhà thầu phải thực hiện theo Biểu tiến độ thi công chi tiết sau khi bảng này được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>23.3. Việc Chủ đầu tư chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh Biểu tiến độ thi công chi tiết (trong đó thể hiện rõ</p> |

tác động của các Thay đổi và Sự kiện bồi thường) và trình lại cho Chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào.

23.4. Nhà thầu phải theo dõi tiến độ Công trình và trình Chủ đầu tư xem xét báo cáo tiến độ và Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật (trong đó thể hiện rõ tiến độ thực tế, tác động đối với các công việc còn lại) vào những thời điểm không muộn hơn thời gian qui định tại **ĐKCT**. Trường hợp Nhà thầu không trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền quy định tại **ĐKCT** trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Nhà thầu trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật. Đối với hợp đồng trọn gói, Nhà thầu phải nộp Bảng kê các hoạt động đã cập nhật trong vòng 14 ngày kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

Ngoài các báo cáo tiến độ, Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn trong Công trường, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư hoặc Nhân sự của Nhà thầu. Điều này bao gồm bất kỳ sự cố, tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, ảnh hưởng bất lợi đáng kể.

Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn xảy ra trong các cơ sở của các Nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp liên quan đến Công trình, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư, Nhân sự của Nhà thầu, và Nhân sự của các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp, ngay khi được biết về nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn đó. Thông báo của Nhà thầu phải bao gồm đầy đủ thông tin về các sự cố và tai nạn như vậy. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ chi tiết về các sự cố hay tai nạn đó cho Chủ đầu tư trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải yêu cầu các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp của mình lập tức thông báo cho Nhà thầu các sự cố và tai nạn như quy định trong Khoản này.

|                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>24. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng</b>         | <p>Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>24.1. Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng Công trường cho Nhà thầu vào thời gian quy định tại Mục 18 ĐKC;</p> <p>24.2. Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;</p> <p>24.3. Các trường hợp khác được mô tả tại ĐKCT.</p>                                                                                                                                                                   |
| <b>25. Đẩy nhanh tiến độ</b>                             | <p>25.1. Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước Ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì Ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận.</p> <p>25.2. Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.</p> |
| <b>26. Trì hoãn theo yêu cầu của Chủ đầu tư</b>          | <p>Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ đối với bất kỳ hoạt động nào của Công trình.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                                                          | <p><b>C. Quản lý chất lượng</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>27. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị</b> | <p>27.1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>27.2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị quy định tại ĐKCT để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.</p> <p>27.3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>27.4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</p>              |
| <b>28. Xác định các sai</b>                              | <p>Chủ đầu tư phải kiểm tra, đánh giá chất lượng công việc của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ sai sót nào</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>sót trong công trình</b>            | được phát hiện. Việc kiểm tra của Chủ đầu tư không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể chỉ thị Nhà thầu tìm kiếm xem công trình có sai sót hay không và Nhà thầu phải kiểm tra, thử nghiệm bất kỳ phần việc nào mà Chủ đầu tư cho là có thể có sai sót.                                                                                                                                                    |
| <b>29. Thử nghiệm</b>                  | Nếu Chủ đầu tư chỉ thị Nhà thầu tiến hành một thử nghiệm không được quy định tại phần Thông số kỹ thuật nhằm kiểm tra xem có sai sót hay không và sau đó kết quả thử nghiệm cho thấy có sai sót thì Nhà thầu sẽ phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm. Nếu không có sai sót thì việc lấy mẫu, thử nghiệm đó sẽ được coi là một Sự kiện bồi thường.                                                                             |
| <b>30. Sửa chữa khắc phục Sai sót</b>  | <p>30.1. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu về các Sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót được sửa chữa xong.</p> <p>30.2. Mỗi lần có thông báo về Sai sót trong Công trình, Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa Sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo.</p> |
| <b>31. Sai sót không được sửa chữa</b> | Nếu Nhà thầu không sửa chữa Sai sót trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư quy định tại thông báo Sai sót trong Công trình thì Chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.                                                                                                                                                          |
| <b>32. Dự báo về sự cố</b>             | Nhà thầu cần dự báo sớm cho Chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với Chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục.                                         |
|                                        | <b>D. Quản lý chi phí</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>33. Loại hợp đồng</b>               | Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>34. Giá hợp đồng và</b>             | <p>34.1. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT.</p> <p>34.2. Đối với hợp đồng trọn gói, Bảng giá hợp đồng quy định</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>bảng giá<br/>hợp đồng</b></p> | <p>tại <b>Phụ lục bảng giá hợp đồng</b> là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc và thành tiền của các hạng mục đó. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các hạng mục công việc để hoàn thành công trình theo thiết kế được duyệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi.</p> <p>34.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <p><b>35. Tạm<br/>ứng</b></p>       | <p>35.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại <b>ĐKCT</b>, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng, giá trị chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>35.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>35.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ</p> |

|                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                       | <p>một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các Thay đổi Hợp đồng, các Sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc Bồi thường thiệt hại.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <p><b>36. Chứng từ Thanh toán</b></p> | <p>36.1. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng trọn gói:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;</p> <p>b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu.</p> <p>36.2. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> <p>36.3. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư</p> |

|                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                             | <p>vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng hoặc đơn giá được điều chỉnh theo quy định của hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> |
| <b>37. Thanh toán</b>       | <p>37.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b>. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>37.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>                                                                                                                                   |
| <b>38. Điều chỉnh thuế</b>  | Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>39. Tiền giữ lại</b>     | <p>39.1. Mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ giữ lại một phần theo quy định tại <b>ĐKCT</b> cho đến khi hoàn thành toàn bộ công trình.</p> <p>39.2. Tiền giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi kết thúc Thời hạn bảo hành và Chủ đầu tư đã xác nhận rằng mọi sai sót mà Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu trước khi kết thúc thời hạn đó đã được sửa chữa. Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.</p>                                                                                                        |
| <b>40. Sửa đổi hợp đồng</b> | <p>40.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <p>a) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

b) Thay đổi về thiết kế;

c) Thay đổi các mốc hoàn thành và thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các trường khác quy định tại **ĐKCT**

40.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 40.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày hoàn thành phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày hoàn thành phải được thực hiện trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

40.3. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.

40.4. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.

40.5. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.

40.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;

b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;

c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng;

|                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                      | <p>d) Mô tả các công việc cần thực hiện.</p> <p>40.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các công năng cần thiết của Công trình:</p> <p>a) Rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;</p> <p>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của Công trình;</p> <p>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại <b>ĐKCT</b> đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p> |
| <p><b>41. Sự kiện bồi thường</b></p> | <p>41.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là Sự kiện bồi thường:</p> <p>a) Chủ đầu tư không giao một phần mặt bằng Công trường vào Ngày tiếp nhận Công trường theo quy định tại Mục 18 ĐKC;</p> <p>b) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong Hợp đồng này;</p> <p>c) Chủ đầu tư thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp Bản vẽ, Thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện Công trình đúng thời hạn;</p> <p>d) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy Sai sót;</p> <p>đ) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý;</p> <p>e) Điều kiện nền đất công trường xấu hơn nhiều so với dự kiến tại thời điểm trước khi có Thư Chấp Thuận mà dự kiến</p>                                                                                                                                       |

|                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                            | <p>đó đã được đưa ra một cách hợp lý dựa trên các thông tin cung cấp cho các nhà thầu (bao gồm các Báo Cáo Khảo Sát Công Trường), các thông tin có sẵn khác và kết quả thị sát Công Trường.</p> <p>g) Chủ đầu tư yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác;</p> <p>h) Các nhà thầu khác và cơ quan, đơn vị liên quan hoặc Chủ Đầu Tư không làm việc vào các ngày đã nêu trong Hợp Đồng và không làm việc trong các điều kiện đã nêu trong Hợp Đồng, gây ra chậm trễ hoặc làm phát sinh chi phí cho Nhà Thầu.</p> <p>i) Tạm ứng chậm;</p> <p>k) Nhà thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>l) Chủ đầu tư chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý.</p> <p>41.2. Nếu Sự kiện bồi thường làm tăng chi phí hay cản trở việc hoàn thành công việc trước Ngày hoàn thành dự kiến, giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc điều chỉnh giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>41.3. Sau khi Nhà thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng Sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu không hợp lý thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Chủ đầu tư lập.</p> <p>41.4. Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư.</p> |
| <b>42. Phạt vi phạm và thưởng hợp đồng</b> | <p>42.1. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định tại <b>ĐKCT</b> cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định tại <b>ĐKCT</b>. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>42.2. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định tại</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                 | <p><b>ĐKCT.</b></p> <p>42.3. Việc thương hợp đồng được thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT.</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>43. Công nhật</b>                            | <p>43.1. Trường hợp phát sinh Công nhật thì chi phí Công nhật do Nhà thầu đề xuất trong HSDX sẽ chỉ được áp dụng khi Chủ đầu tư có thông báo trước bằng văn bản về việc các công việc phát sinh sẽ được thanh toán theo Công nhật.</p> <p>43.2. Tất cả công việc thanh toán theo Công nhật phải được Nhà thầu ghi lại.</p> <p>43.3. Nhà thầu được thanh toán các chi phí Công nhật sau khi Chủ đầu tư chấp thuận bản kê khai chi phí Công nhật.</p>                                 |
| <b>44. Chi phí sửa chữa</b>                     | <p>Những tổn thất hoặc hư hại của Công trình hoặc Vật tư đưa vào sử dụng cho Công trình trong khoảng thời gian từ Ngày khởi công đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành sẽ do Nhà thầu sửa chữa và tự chi trả chi phí sửa chữa, nếu các tổn thất hay hư hại đó xảy ra do các hành động hay sơ suất của Nhà thầu.</p>                                                                                                                                                                    |
|                                                 | <b>E. Kết thúc hợp đồng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>45. Nghiệm thu</b>                           | <p>Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu ký xác nhận.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>46. Hoàn thành</b>                           | <p>Nhà thầu phải yêu cầu Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình và Chủ đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>47. Bàn giao</b>                             | <p>Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình theo thời gian được quy định tại <b>ĐKCT</b> kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>48. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành</b> | <p>48.1. Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định tại <b>ĐKCT.</b></p> <p>48.2. Nếu Nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định tại <b>ĐKCT</b> hoặc các tài liệu này không được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền quy định tại <b>ĐKCT</b> từ khoản thanh toán đến hạn cho</p> |

|                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                              | Nhà thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>49. Quyết toán</b>        | <p>Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư một bản kê chi tiết cho số tiền mà Nhà thầu yêu cầu được thanh toán theo Hợp đồng trước khi kết thúc Thời hạn bảo hành. Chủ đầu tư phải cấp Giấy chứng nhận kết thúc thời hạn bảo hành và xác nhận quyết toán cho Nhà thầu trong vòng 56 ngày kể từ ngày nhận được bản kê chi tiết đúng và hoàn chỉnh của Nhà thầu.</p> <p>Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kết thúc thời hạn bảo hành và xác nhận quyết toán cho Nhà thầu, Chủ đầu tư phải có thông báo bằng văn bản mô tả những điểm cần sửa chữa hoặc bổ sung. Nếu Bản kê chi tiết cuối cùng do Nhà thầu nộp vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư quyết định số tiền phải thanh toán cho Nhà thầu.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>50. Chấm dứt hợp đồng</b> | <p>50.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản Hợp đồng.</p> <p>50.2. Các vi phạm cơ bản Hợp đồng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế ở các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nhà thầu dừng thi công 28 ngày trong khi việc dừng thi công này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Chủ đầu tư cho phép;</li> <li>b) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ Công trình và không rút lại chỉ thị này trong vòng 28 ngày kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ;</li> <li>c) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</li> <li>d) Nhà thầu có một giấy đề nghị thanh toán cho các khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu gửi đề nghị thanh toán;</li> <li>đ) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng Công trình trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu;</li> <li>e) Nhà thầu không duy trì Bảo lãnh tiền tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định;</li> <li>g) Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành Công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt;</li> </ul> |

|                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                               | <p>h) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>50.3. Khi Nhà thầu vi phạm Hợp đồng do một nguyên nhân khác ngoài các trường hợp liệt kê trong Mục 50.2 ĐKC nêu trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định đó có phải một vi phạm cơ bản với Hợp đồng hay không.</p> <p>50.4. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công trường an toàn và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>51. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng</b>   | <p>51.1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 50 ĐKC, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của Nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.</p> <p>51.2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Chủ đầu tư quy định tại Mục 50 ĐKC hoặc do bất khả kháng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà Nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của Nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.</p> |
| <b>52. Tài sản</b>                            | Tất cả Vật tư trên công trường, Nhà xưởng, Thiết bị, Công trình tạm và Công trình đều sẽ là tài sản của Chủ đầu tư nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>53. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng</b> | Nếu việc thực hiện hợp đồng bị dừng lại do bất khả kháng thì Chủ đầu tư phải chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho Công trường và dừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận được giấy chứng nhận của Chủ đầu tư; Nhà thầu sẽ được thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện trước khi có giấy chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

| A. Các quy định chung |                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>ĐKC 1.3</b>        | Chủ đầu tư là: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.<br>Địa chỉ: Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk.                                                                                                             |
| <b>ĐKC 1.5</b>        | Công trình bao gồm : Kho thành phẩm, mới Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk. Hạng mục: Xây dựng nhà kho thành phẩm                                                                                                                    |
| <b>ĐKC 1.8</b>        | Địa điểm Công trường tại Xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk và được xác định trong Bản vẽ số 01.                                                                                                                                          |
| <b>ĐKC 1.13</b>       | Ngày hoàn thành là: 75 ngày kể từ ngày khởi công.                                                                                                                                                                                 |
| <b>ĐKC 1.14</b>       | Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 75 ngày.                                                                                                                                                                       |
| <b>ĐKC 1.15</b>       | Ngày khởi công là: ____ [ghi ngày].                                                                                                                                                                                               |
| <b>ĐKC 1.16</b>       | Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].                                                                                                                              |
| <b>ĐKC 1.26</b>       | Tư vấn giám sát là: [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát].                                                                                                                                               |
| <b>ĐKC 2.1</b>        | Hoàn thành từng phần: ____ [Chủ đầu tư điền]                                                                                                                                                                                      |
| <b>ĐKC 2.3 (i)</b>    | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:<br>- Văn bản thông báo trúng thầu;<br>- Điều kiện cụ thể của hợp đồng;<br>- Điều kiện chung của hợp đồng;<br>- Các phụ lục của hợp đồng;<br>- Các tài liệu khác có liên quan. |
| <b>ĐKC 5.2</b>        | - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.<br>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là:<br>Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành                                                 |

|                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                             | cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>ĐKC 5.4</b>              | Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</i>                                         |
| <b>ĐKC 7.1</b>              | Danh sách nhà thầu phụ: Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>ĐKC 7.2</b>              | Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>ĐKC 7.4</b>              | Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: <i>Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực theo luật đấu thầu.</i>                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>ĐKC 14</b>               | Yêu cầu về bảo hiểm: <i>Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Chủ đầu tư mua bảo hiểm cho công trình.</i> |
| <b>ĐKC 15</b>               | Thông tin về Công trường là: : Kho thành phẩm mới Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk. Hạng mục: Xây dựng nhà kho thành phẩm.                                                                                                                                                                                                            |
| <b>ĐKC 18</b>               | Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: <i>[ghi địa điểm và ngày]</i> .                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>ĐKC 21.2</b>             | Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày<br>Giải quyết tranh chấp: <i>Tại Tòa án dân sự nơi đặt trụ sở của Chủ đầu tư hoặc bên mời thầu và theo quy định của Pháp luật, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do bên thua kiện chịu.</i>                                                                                           |
| <b>B. Quản lý thời gian</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>ĐKC 22</b>               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khởi công: <i>[ghi ngày dự định khởi công]</i>.</li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến: <i>[ghi ngày hoàn thành dự kiến]</i>.</li> </ul>                                                                                                                                                  |

|                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>ĐKC 23.1</b>              | Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 20 ngày từ ngày ký Hợp đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>ĐKC 23.4</b>              | - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: <i>Không quá 20 ngày</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>ĐKC 24.3</b>              | Các trường hợp khác: <i>[ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)]</i> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>C. Quản lý chất lượng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>ĐKC 27.2</b>              | Vật tư, máy móc, thiết bị: <i>Tất cả các vật tư trước khi đưa vào sử dụng cho gói thầu phải được kiểm nghiệm, xác nhận và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, máy móc thiết bị phải được kiểm tra về chất lượng để đảm bảo vận hành bình thường và theo đúng chủng loại, số lượng đề xuất trong HSDT của Nhà thầu, những chủng loại máy móc đặc thù phải được cơ quan chuyên môn kiểm nghiệm chứng nhận đủ điều kiện lưu hành.</i> |
| <b>D. Quản lý chi phí</b>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>ĐKC 33</b>                | Loại hợp đồng: Trọn gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>ĐKC 34.1</b>              | Giá hợp đồng: Cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>ĐKC 35.1</b>              | - Tạm ứng: Không quá 30% giá gói thầu.<br>- Thời gian tạm ứng: <i>Theo kế hoạch vốn được giao.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>ĐKC 37.1</b>              | Phương thức thanh toán: Khi nguồn vốn cho công trình được bố trí theo kế hoạch vốn, trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày Nhà thầu trình đầy đủ các Biên bản nghiệm thu thanh toán và các chứng từ phù hợp với quy định của pháp luật.<br>Số lần thanh toán: Theo kế hoạch vốn được cấp.                                                                                                                                    |
| <b>ĐKC 38</b>                | Điều chỉnh thuế: Được phép.<br><br>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát                                                                                                                               |

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                     | sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.                                                                                                                                                                   |
| <b>ĐKC 39.1</b>     | Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%                                                                                                                                                                                                       |
| <b>ĐKC 40.1 (d)</b> | Trường hợp sửa đổi hợp đồng: ....                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>ĐKC 40.7</b>     | Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.                                                                               |
| <b>ĐKC 42.1</b>     | Mức phạt: <i>Không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Ngoài mức phạt theo thỏa thuận, bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho bên kia, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan khác.</i> |
| <b>ĐKC 42.2</b>     | Bồi thường thiệt hại: Áp dụng<br>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;                                                                                                                                                        |
| <b>ĐKC 42.3</b>     | Thưởng hợp đồng: Không áp dụng                                                                                                                                                                                                                       |
|                     | <b>E. Kết thúc hợp đồng</b>                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>ĐKC 47</b>       | Thời gian bàn giao công trình: <i>[ghi thời gian bàn giao công trình]</i> .                                                                                                                                                                          |
| <b>ĐKC 48.1</b>     | Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>[ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công]</i> .                                                                                                                                                                        |
| <b>ĐKC 48.2</b>     | Số tiền giữ lại: 195.262.000 VND.                                                                                                                                                                                                                    |

## Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

## THƯ CHẤP THUẬN HSDX VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận HSDX và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]* với giá hợp đồng là \_\_\_\_ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ *[ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của HSYC với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ *[ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 Chương VII của HSYC]*.

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nêu đến ngày\_\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_\_ [*căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định thời hạn cuối cùng cho việc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, hoàn thiện, ký kết hợp đồng nhưng không muộn hơn 28 ngày, kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng*] mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng.

**HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH11 ngày 24/11/2015 của Quốc hội<sup>(2)</sup>;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời thầu;

Căn cứ văn bản số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc thông báo chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng,

**Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:**

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: [ghi tên Chủ đầu tư]

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_  
(trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu<sup>(3)</sup> (sau đây gọi là Bên B)**

Tên Nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu được lựa chọn]*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_  
(trường hợp được ủy quyền).

*Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:*

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng;
2. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng;
3. HSDX của Nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng;
5. Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục;
6. Thông số kỹ thuật;
7. Bản vẽ;
8. Mô tả công việc mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu;
9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Nhà thầu**

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư**

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 ĐKCT.

**Điều 6. Loại hợp đồng: \_\_\_\_\_**

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_**

[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, HSDX và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

**Điều 8.** Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện (không bao gồm phần công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có)) không vượt quá: \_\_\_\_\_ [trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT] giá hợp đồng.

**Điều 9. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_\_ bộ, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_\_ bộ, Nhà thầu giữ \_\_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ  
THẦU<sup>(4)</sup>**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ  
ĐẦU TƯ** [ghi tên, chức danh, ký tên

và  
đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản hiện hành liên quan đến hợp đồng.

(3), (4) Trường hợp Nhà thầu liên danh thì trong hợp đồng phải bao gồm thông tin của tất cả các thành viên liên danh. Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu vào hợp đồng.

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

### BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)

| STT                                  | Mô tả công việc <sup>(2)</sup> | Đơn vị tính | Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup> |
|--------------------------------------|--------------------------------|-------------|--------------------------------------|
| 1                                    | Hạng mục công việc 1           |             |                                      |
| 2                                    | Hạng mục công việc 2           |             |                                      |
| ..                                   |                                |             |                                      |
| Tổng cộng: <i>[Hệ thống tự tính]</i> |                                |             |                                      |

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ  
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ  
ĐẦU TƯ** *[ghi tên, chức danh, ký tên  
và  
đóng dấu]*

## BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(áp dụng cho hợp đồng theo đơn giá)

| STT                                                          | Mô tả công việc    | Yêu cầu kỹ thuật/<br>Chỉ dẫn kỹ thuật | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------|-------------|------------|---------|------------|
| <i>I</i>                                                     | <i>Hạng mục 1:</i> |                                       |             |            |         |            |
| <i>1</i>                                                     |                    |                                       |             |            |         |            |
| <i>2</i>                                                     |                    |                                       |             |            |         |            |
| <i>3</i>                                                     |                    |                                       |             |            |         |            |
| <i>II</i>                                                    | <i>Hạng mục 2:</i> |                                       |             |            |         |            |
| <i>1</i>                                                     |                    |                                       |             |            |         |            |
| <i>2</i>                                                     |                    |                                       |             |            |         |            |
| <i>3</i>                                                     |                    |                                       |             |            |         |            |
| <i>III</i>                                                   | <i>Hạng mục...</i> |                                       |             |            |         |            |
| <i>...</i>                                                   | <i>....</i>        |                                       |             |            |         |            |
| <b>Giá hợp đồng</b><br>(Kết chuyển sang Điều 5 của Hợp đồng) |                    |                                       |             |            |         |            |

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** [ghi tên, chức danh, ký tên  
và  
đóng dấu]



**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); <sup>(1)</sup>

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5 ĐKCT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.<sup>(3)</sup>

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số *[ghi số hợp đồng]* ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5 ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư )

*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 35 ĐKCT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 35.1 **ĐKCT**.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 35 **ĐKCT**.



**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;
- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)*]

**Người ủy quyền**

[*ghi tên người đại diện theo pháp luật  
của nhà thầu, chức danh, ký tên và  
đóng dấu*]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi tham gia hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng

con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.



1907